

Hai Mươi Năm Gây Dựng - Một ngày 30-4-1975 để phá

Do cơ may bất ngờ, cách đây khoảng 6-7 năm tôi sưu tập được một văn bản "*Chỉ Nam Trung Tâm Quốc Gia Nông Nghiệp*" phát hành trong niên khóa 1971-1972 với danh sách trường ốc và toàn ban Hành Chánh và Giảng Huấn của cả 3 trường Cao Đẳng Canh Nông, Thủy Lâm, và Thú Y Chăn Nuôi, cũng như chi tiết về những Chuyên Khoa cùng các môn học liên hệ. Đây là 1 tài liệu cùng chứng cứ đã phân nào ghi nhận những công lao khó nhọc của các Thầy Cô NLS/NLM, khởi đầu từ Khóa 1 ở Bảo Lộc và rõ ràng đã bị xóa bỏ sau ngày 30-4-1975. Tổng cộng với 12 khóa cho văn bằng Kỹ Sư Quốc Gia NLS của 2 nền Cộng Hòa thời Việt Nam Cộng Hòa, qua 4 tên trường :

- *Cao Đẳng Nông Lâm Súc.*
- *Trung Tâm Quốc Gia Nông Nghiệp.*
- *Học Viện Quốc Gia Nông Nghiệp.*
- *Đại Học Nông Nghiệp Thủ Đức.*

Như bút ký của TS Lưu Trọng Hiếu (K1 NLS) ghi lại cách đây hơn 10 năm (2005) như sau:

“Năm 1975 sau khi chiến tranh chấm dứt, hòa bình trở lại trên quê hương, Đại học Nông nghiệp Thủ Đức đứng trước tình trạng băng nổ, chảy máu chất xám trầm trọng. Nhiều cán bộ giảng dạy nhất là các con chim đầu đàn đã từ giả trường rời xa quê hương sống tha phương nước ngoài. Nguồn nhân lực mà trường đã dày công xây dựng phát triển trong suốt hai mươi năm từ ngày thành lập gần như mất trắng, trường lại quay về khởi điểm, khởi sự trở lại từ đầu.”

Thế là hết, và nay chỉ còn tiếc nuối!

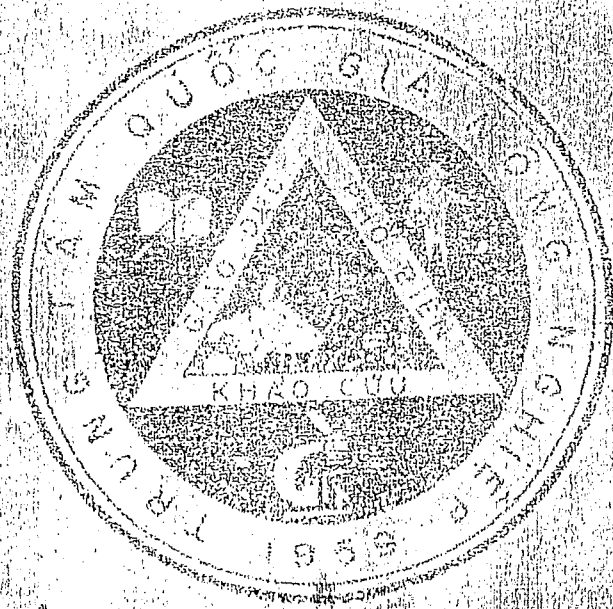
TB: Xin xem “copy” bản "*Chỉ Nam Trung Tâm Quốc Gia Nông Nghiệp*" kèm bên dưới.

Vũ văn Tiên

K12 TYCN/BCTP

VIỆT - NAM CÔNG - HÒA
BỘ GIÁO DỤC

CHÍNH NAM
TRUNG TÂM
QUỐC GIA NÔNG NGHIỆP



1971 - 1972

VIỆT - NAM CỘNG - HOÀ

BỘ GIÁO - DỤC

TRUNG - TÂM QUỐC - GIA NÔNG - NGHIỆP

Đ

ĐỊA CHỈ : 45 Cường-Dé, Saigon

HỘP THƯ : Số R.12 Saigon

MÃ SỐ ĐIỆN-TÍN : 20.243

ĐIỆN - THOẠI

Tổng đài : 24.114, 95.432

Giám-Đốc : 94.188.

~~XXXXXXXXXX~~

MỤC - LỤC

	<u>Trang.</u>
I. Ban Giám-Đốc Ban Giảng-huấn	I - 21
II. Giới thiệu Trung-Tâm	22 - 23
III. Mục tiêu của Trung-Tâm Quốc-Gia Nông-Nghiệp	23 - 24
IV. Tổ chức tổng quát Trung-Tâm Quốc-Gia Nông-Nghiệp . . .	24 - 30
V. Điều kiện nhập học	30 - 31
VI. Điều kiện tốt-nghiệp	31
VII. Ghi danh nhập học	31 - 32
VIII. Học Quy	32 - 34
IX. Kỳ-luật	34 - 38
X. Học bổng	39
XI. Cư-xá Sinh-viên	39
XII. Chương trình học	40 - 56
Trường Cao-Đẳng Canh-Nông	40 - 45
Trường Cao-Đẳng Thủy-Lâm	46 - 48
Trường Cao-Đẳng Thú-Y Chăn-Nuôi . . .	49 - 54
Chương trình học 12 tháng huấn luyện các Kỹ-Sứ trở thành Giáo - Sứ Trung-học chuyên nghiệp đệ nhị cấp Nông-Lâm-Súc	55 - 56
XIII. Mô tả các môn học	57 - 83
XIV. Đường hướng phát triển của Trung-Tâm Quốc-Gia Nông-Nghiệp . . .	84 - 85

- I -

B A N G I Á M - Đ Ồ C
TRUNG-TÂM QUỐC-GIA NÔNG-NGHIỆP

- oOoOoOo -

GIÁM-ĐỐC TRUNG-TÂM QUỐC-GIA NÔNG-NGHIỆP :

Ông NGUYỄN-THÀNH-HẢI

Bác-sĩ Thú-y, Đại-học Pennsylvania, 1964.

PHÓ GIÁM-ĐỐC TRUNG-TÂM QUỐC-GIA NÔNG-NGHIỆP :

Ông BÙI-HUY-THỰC

Kỹ-sư Nông-phổ, Cao-đẳng Quốc-gia Nông-phổ,
Versailles, 1936.

GIÁM-ĐỐC TRƯỜNG CAO-ĐẲNG CẢNH-NÔNG :

Ông NGUYỄN-ĐĂNG-LONG

Kỹ-sư Nông-thoa, Cao-đẳng Nông-Lâm-Súc Saigon,
1962; M.S, Đại-học California; Ph.D, Đại-học
Louisiana, 1970.

GIÁM-ĐỐC TRƯỜNG CAO-ĐẲNG THỦY-LÂM :

Ông LÊ-VĂN-KÝ

Kỹ-sư Thủy-lâm, Jules Brévié, 1945; M.S, Đại-
học Minnesota, 1964.

GIÁM-ĐỐC TRƯỜNG CAO-ĐẲNG THÚ-Y CHĂN-NUÔI :

Ông LƯU-TRỌNG-HIỆU

Kỹ-sư Súc-khoa, Cao-đẳng Nông-Lâm-Súc Saigon,
1962; M.S, 1967; Ph.D, Đại-học Maryland, 1969.

o
o
2
o

TRƯỜNG CAO-DẪNG NÔNG-NGHIỆP

II

BAN GIẢNG-HUẤN CƠ-HỮU

- Ô.Ô TÔN-THẤT-TRÌNH, Giáo-sư.
Kỹ-sư Nông-học và Nông-học Nhiệt-đới, Institut National Agronomique Paris, 1955.
- " BÙI-HUY-THỰC, Giáo-sư.
Kỹ-sư Nông-phổ, Cao-dẳng QG Nông-phổ, Versailles, 1936
- " NGUYỄN-HỮU-MUÙ, Giáo-sư.
Kỹ-sư Canh-nông, Đại-học Nancy 1950; Chứng-chỉ Canh-nông Nhiệt-đới, Ecole Supérieure d'Application d'Agriculture Tropicale Paris, 1951; Chứng-chỉ Hợp-tác-xã, Ecole Supérieure Internationale de la coopération Paris, 1963.
- " CHÂU-TÂM-LUÂN, Giảng-sư.
M.S. Agr., 1962; Ph.D., 1965, Đại-học Illinois.
- " BÙI-NHƯ-HÙNG, Giảng-sư.
Kỹ-sư Nông-học, Institut Agronomique Paris, 1964.
- " CHÂU-VĂN-KHÊ, Giảng-sư.
B.S., Đại-học Florida, 1962; M.S., Đại-học Florida, 1965; Ph.D., Đại-học California, 1971.
- " NGUYỄN-ĐĂNG-LONG, Giảng-sư.
Kỹ-sư Nông-khoa, Cao-dẳng Nông-Lâm-Súc Saigon, 1962; M.S., Đại-học California, 1967; Ph.D., Đại-học Louisiana, 1970.
- " NGUYỄN-PHỐ-LU, Giảng-sư.
Dipl d'Ing. Tech. d'Agriculture, Paris, 1953; M.S., Đại học Vermont, 1969.

- CÔ NGUYỄN-BÍCH-LIÊU, Giảng-sư.
Kỹ-sư Nông-khoa, Cao-dẳng Nông-Lâm-Súc Saigon,
1963; M.S., 1968; Ph.D., 1971, Đại-học Louisiana.
- Ô LÊ-DA-TÔN, Giảng-sư.
B.S., 1962; M.S., 1964, Đại-học Florida
- CÔ HÀNG-NGOC-ẤN, G-n-v.
Kỹ-sư Nông-khoa, Cao-dẳng Nông-Lâm-Súc Saigon, 1968.
- Ô.Ô LÊ-ẤN, G-n-v.
Dược-sĩ Quốc-gia, Đại-học Dược-khoa Saigon, 1971.
- " DUONG-VĂN-ĐỨC, G-n-v.
Kỹ-sư Nông-khoa, Cao-dẳng Nông-Lâm-Súc Saigon,
1964.
- " VÕ-HỮU-ĐỀ, G-n-v.
Kỹ-sư Nông-khoa, Cao-dẳng Nông-Lâm-Súc Saigon, 1967.
- Bà VÕ-THỊ-HẢI, G-n-v.
Kỹ-sư Nông-khoa, Cao-dẳng Nông-Lâm-Súc Saigon, 1968.
- CÔ THÈ-THỊ-HỘI, G-v-n.
Kỹ-sư Nông-khoa, Cao-dẳng Nông-Lâm-Súc Saigon, 1969.
- Ô.Ô NGUYỄN-HOÀNG-HOANH, G-n-v.
Kỹ-sư Nông-khoa, Cao-dẳng Nông-Lâm-Súc Saigon, 1971.
- " LƯU-TRƯỜNG-KIÊN, G-n-v.
Kỹ-sư Nông-khoa, Cao-dẳng Nông-Lâm-Súc Saigon, 1969.
- " NGUYỄN-BÁ-KHƯƠNG, G-n-v.
Kỹ-sư Nông-khoa, Cao-dẳng Nông-Lâm-Súc Saigon, 1967.

- Ô.Ô LÊ-NGUYỄN-KHÔI, * G-n-v.
Kỹ-sư Nông-khoa, Cao-đẳng Nông-Lâm-Súc Saigon, 1964.
- " HỒ-VĂN-LÂM, G-n-v.
Kỹ-sư Nông-khoa, Cao-đẳng Nông-Lâm-Súc Saigon, 1967.
- Bà VÕ-THỊ-PHƯƠNG-LAN, G-n-v.
Kỹ-sư Nông-khoa, Cao-đẳng Nông-Lâm-Súc Saigon, 1969.
- Ô TRẦN-NHƯ-LONG, * G-n-v.
Kỹ-sư Nông-khoa, Cao-đẳng Nông-Lâm-Súc Saigon, 1964
- CÔ NGUYỄN-THỊ-PHUNG, ** G-n-v.
Kỹ-sư Nông-khoa, Cao-đẳng Nông-Lâm-Súc Saigon, 1968
- Ô.Ô ĐỒNG-CÔNG-QUAN, G-n-v.
Kỹ-sư Công-nghệ, Trường QGKS Công-nghệ, 1971.
- " NGUYỄN-RU, * G-n-v.
Kỹ-sư Nông-khoa, Cao-đẳng Nông-Lâm-Súc Saigon, 1965.
- " ĐẶNG-NGỌC-SƠN, g-n-v.
B.S., Đại-học Baval, 1970
- Bà NGUYỄN-NGỌC-SÂM, G-n-v.
Kỹ-sư Nông-khoa, Cao-đẳng Nông-Lâm-Súc Saigon, 1968.
- Ô.Ô NGUYỄN-VĂN-TÂN*,
B.S., 1962, Đại-học Florida; M.S, 1964.
- " LÂM-VĂN-THƯỜNG *
Kỹ-sư Nông-khoa, Cao-đẳng Nông-Lâm-Súc Saigon, 1963.
B.S., Đại-học Oregon, 1968; M.S., ĐH Cornell, 1970.
- " TRẦN-MINH-TIẾN, G-n-v.
Kỹ-sư Nông-khoa, Cao-đẳng Nông-Lâm-Súc Saigon, 1970.

* Hiện đang tu-nghiệp tại Hoa-kỳ.
** Hiện đang tu-nghiệp tại Nhật-bản.

- Ô.Ồ ĐỒ-CAO-THIỆN, G-n-v.
Kỹ-sư Nông-khoa, Cao-dẳng Nông-Lâm-Súc Saigon, 1970.
- " HỒ-THAI, G-n-v.
Kỹ-sư Nông-khoa, Cao-dẳng Nông-Lâm-Súc Saigon, 1970.
- " ĐOÀN-THÀNH-TRUNG, G-n-v.
Kỹ-sư Công-nghệ, Trường QGKS Công-nghệ, 1971.

BAN GIẢNG-HUẤN THỈNH-GIẢNG

- Ô.Ồ NGUYỄN-HỮU-BÌNH,
Kỹ-sư Công-chánh, Trường Cao-dẳng Công-chánh, 1963.
- " YVES BAUCHI
Kỹ-sư Hoá-học, Trường Cao-dẳng Hoá-học Montpellier,
1965.
- " BÙI-BÌNH-BÂN
Kỹ-sư Nông-khoa, Cao-dẳng Nông-Lâm-Súc, 1962; Tốt-
nghiệp sửa-chữa và bảo-trì nông-cơ Nhật-bản; Cao-
học Hành-chánh, 1970.
- " TRƯƠNG-QUANG-CẢNH
B.S, Los Banos, 1959; M.S, Đại-học North Carolina,
1963.
- " NGUYỄN-QUANG-CHUYÊN
M.P.C.E, 1962.
- " VŨ-NGỌC-CAN
Kỹ-sư Công-chánh và Kỹ-sư Bách-khoa, Montréal, 1963.

Ồ.Ồ DENIS NGUYỄN-PHƯỚC-DU

Tiến-sĩ Khoa-học, 1949; Tiến-sĩ Kỹ-sư, Paris, 1945.

" TRẦN-MINH-GIÁM

Kỹ-sư Nông-khoa, Cao-đẳng Nông-Lâm-Súc Saigon, 1962.

CỒ. NGUYỄN-KIM-HOÀ

Cử-nhân Văn-vật, Đại-học Saigon, 1968.

" NGUYỄN-THỊ-HIỆP

Kỹ-sư Hoá-học, Trường Hoá-học Paris, 1968.

Ồ.Ồ TRƯƠNG-DÌNH-HUÂN

Kỹ-sư Công-chánh, Cao-đẳng Công-chánh, 1952.

" NGHIÊM-HỒNG

Cử-nhân Văn-chương

" VÕ-DÌNH-LONG

Kỹ-sư Nông-học, Ecole Nationale Supérieure Agronomique de Nancy, 1962.

" NGUYỄN-DUY-THU-LƯƠNG

Kỹ-sư Điện-học, Cao-đẳng Điện-học Paris.

" LƯU-VAN-LÊ

Kỹ-sư Canh-nông, Đại-học Hà-nội, 1944.

" NGUYỄN-KIM-MÔN

Kỹ-sư Khí-tượng, Trường Khí-tượng Paris, 1955; Cử-nhân Khoa-học, Đại-học Saigon.

" NGUYỄN-NHƯ-MỘNG

Kỹ-sư Công-nghệ, Trường QGKS Công-nghệ Saigon.

Ô.Ô PHÙNG-TRUNG-NGÂN

Cử-nhân Khoa-học; Kỹ-sư Nông-học Toulouse, 1955;
Ph.D., Đại-học Missouri, 1963; Giáo-sư ĐHKH Saigon.

" NGUYỄN-THÀNH-NGUU

Kỹ-sư Công-nghệ, Trường QGKS Công-nghệ, 1966.

" TẠ-VAN-NHO

Kỹ-sư Canh-nông, Đại-học Hà-nội, 1942; Cử-nhân Luật-
khoa, Đại-học Saigon.

Bà NGUYỄN-KIM-OANH

Kỹ-sư Canh-nông, Đại-học Hà-nội, 1941.

Ô.Ô MAURICE ROTH

Tiến-sĩ Kỹ-sư, I.R.A, Paris.

" THÁI-CÔNG-TUNG

Cử-nhân Khoa-học; Kỹ-sư Nông-học Toulouse, 1955;
Tiến-sĩ Kỹ-sư, Đại-học Saigon, 1970.

" ĐẶNG-VĨNH-THANH

Cử-nhân Vạn-vật, Đại-học Khoa-học Saigon, 1958;
Giảng-nghiệm-trưởng ĐHKH Saigon.

" TÔN-THẤT-THIỆU

Kỹ-sư Công-chánh, 1962.

" BUI-THỨC-THỦY

Cử-nhân Khoa-học, 1966; Chủng-chỉ Thực-vật Thâm-cứu,
DHS, 1970,; Giảng-nghiệm-trưởng ĐHKH Saigon.

" MAI-VIỆT-THU

Kỹ-sư Nông-khoa, Cao-dẳng Nông-Lâm-Súc, 1968; Tốt-
nghiệp lớp sửa-chữa và bảo-trì nông-cơ tại Nhật-bản.

Bà TRẦN-NGOC-TIẾNG

Cử-nhân Văn-vật, Sorbone, 1951; Ph.D, Đại-học
Purdue, 1952; Giáo-sư ĐHKH Saigon.

Ồ.Ồ BUI-VAN-TRỢ

B.S, Đại-học Phi-luật-Tân, 1958; Ph.D, Đại-học
Cornell, 1966.

" VÕ-NGOC-TRƯỚC

Kỹ-sư Công-nghệ Nông-sản, Trường QG Kỹ-nghệ Canh-
Canh-nông và Thực-phẩm (Paris), 1957.

" PHAN-HỮU-TAT

Tốt-nghiệp Trường Cao-dẳng Thương-mại Montpellier,
1955.

" VĨNH-TIẾU

Kỹ-sư Điện, Cao-dẳng Điện-học, 1962; M.S, Đại-
học New Mexico, 1966.

TRƯỜNG CAO-ĐẲNG THỦY-LÂM

II

BAN GIẢNG-HUẤN CƠ-HỮU

- 0.0 LÊ-VĂN-KÝ, Giáo-sư.
Kỹ-sư Thủy-lâm, Jules Brévié, 1945; M.S., Đại-học
Minnesota, 1964.
- " LÊ-VĂN-MƯỜI, Giáo-sư.
Kỹ-sư Thủy-lâm, Jules Brévié, 1945; Cử-nhân Luật-
khoa Saigon, 1959.
- " PHẠM-HỒNG-CHƯƠNG, Giảng-sư.
B.Sc. (Honors), 1967; Ph.D., 1971, Australian
National University.
- " LUƠNG-TÂN-TUỐC, G-n-v.
B.S., 1968; M.S., 1970, Đại-học Hokkaido.
- " VŨ-VĂN-CỬ,*, G-n-v.
Kỹ-sư Lâm-khoa, Cao-đẳng Nông-Lâm-Súc Saigon, 1965
- " TRẦN-HỮU-TRÁT,*, G-n-v.
Kỹ-sư Lâm-khoa, Cao-đẳng Nông-Lâm-Súc Saigon, 1965.
- " HỒNG-VĂN-HUYỀN,*, G-n-v.
Kỹ-sư Lâm-khoa, Cao-đẳng Nông-Lâm-Súc Saigon, 1967.
- " NGUYỄN-TÊN-VĂNG, G-n-v.
Kỹ-sư Lâm-khoa, Cao-đẳng Nông-Lâm-Súc Saigon, 1968.

* Hiện đang tu-nghiệp tại Hoa-kỳ.

Ô.Ô VÕ-VĂN-THOAN, G-n-v.

Kỹ-sư Thủy-lâm, Cao-dẳng Nông-Lâm-Súc Saigon, 1970

" NGUYỄN-VĂN-THỪA, G-n-v.

Kỹ-sư Thủy-lâm, Cao-dẳng Thủy-lâm Saigon, 1970

BAN GIÃNG-HUẤN THỈNH-GIÃNG

Ô.Ô LÊ-VIỆT-DỰ

B.S., Đại-học Georgia, 1961; M.S., Đại-học Yale, 1962.

" NGUYỄN-NGỌC-ĐIỆP

B.S., Đại-học Wisconsin, 1970

" DƯƠNG-TRUNG-HÙNG

B.S., 1963; M.S., 1964, Đại-học North Carolina.

" LÂM-BÌNH-LỢI

Kỹ-sư Lâm-khoa, Cao-dẳng Nông-Lâm-Súc Saigon, 1965

" LÊ-VINH-QUY

B.S., 1961; M.S., 1962, Đại-học Đại-học Michigan.

" NGUYỄN-VĂN-THÔN

Kỹ-sư Thủy-lâm, Jules Brévié, 1944.

" VƯƠNG-ĐÌNH-XÂM

Kỹ-sư Thủy-lâm, Cao-dẳng Nông-Lâm Hà-nội, 1932.

TRƯỜNG CAO-ĐẲNG THÚ-Y CHAN-NUÔI

¶

BAN GIẢNG-HUẤN CƠ-HỮU

00. DẶNG-QUAN-ĐIỂM, Giảng-Sư
Bác-Sĩ Thú-Y, Lyon, 1951.
- " TÔN-THẤT-NGŨ, Giảng-Sư
Thú-Y Đại-học-sĩ, Trường Đại-học Thú-Y Hà-Nội, 1946
Bác-Sĩ Thú-Y, Đại-học Lyon, 1957 tu-nghiệp Đại-học
Florida, 1967.
- " BÙI-VĂN-TRỢ, Giảng-Sư.
B.S., Honor. Đại-học Phi-Luật-Tân, 1958; M.S., 1963;
Ph.D., 1967 Đại-học Cornell.
- " NGUYỄN-THÀNH-HẢI, Giảng-Sư.
Bác-Sĩ Thú-Y, Đại-học Pennsylvania, 1964.
- " LƯU-TRỌNG-HIỆU, Giảng-Sư.
Kỹ-Sư Súc-khoa, Cao-Đẳng Nông-Lâm-Súc Saigon 1962
M.S., 1967; Ph.D., 1969, Đại-học Maryland.
- " TRẦN-QUANG-MINH, Giảng-Sư.
Bác-Sĩ Thú-Y, Đại-học Oklahoma, 1964.
- " TRẦN-TRỌNG-TÒAN, † Giảng-Sư.
B.S., 1963; M.S., 1965, Đại-học Kansas.
- " NGUYỄN-ĐÌNH-NGHIÊM, † G-n-v.
Kỹ-Sư Súc-khoa, Cao-Đẳng Nông-Lâm-Súc Saigon, 1962 ;
M.S., Đại-học Kansas, 1968.

- CÔ. NGÔ-THI-NGOC-DIEU, * G-n-v.
Kỹ-Sư Súc-khoa, Cao-Đẳng Nông-Lâm-Súc Saigon, 1964
M.S., Đại-học Louisiana, 1969.
- Ô . ĐANG-ĐẮC-THIẾU, † G-n-v.
Kỹ-Sư Súc-khoa, Cao-Đẳng Nông-Lâm-Súc Saigon, 1964.
- BÀ. NGUYỄN-THUY-MINH, †† G-n-v.
Kỹ-Sư Súc-khoa, Cao-Đẳng Nông-Lâm-Súc Saigon, 1968
- " NGUYỄN-THỊ-NỮ, G-n-v.
Kỹ-Sư Súc-khoa, Cao-Đẳng Nông Lâm-Súc Saigon, 1968.
- CÔ. ĐANG-THỊ-SỐ, G-n-v.
Kỹ-Sư Súc-khoa, Cao-Đẳng Nông-Lâm-Súc Saigon, 1968.
- ÔÔ. TRẦN-QUỐC-THANG, G-n-v.
Kỹ-Sư Súc-khoa, Cao-Đẳng Thú-Y Chăn-Nuôi Saigon, 1969.
- " VÕ-VAN-KIẾU, G-n-v.
Kỹ-Sư Súc-khoa, Cao-Đẳng Thú-Y Chăn-Nuôi Saigon, 1970.
- " TRẦN-NGOC-DANH, G-n-v.
Kỹ-Sư Súc-khoa, Cao-Đẳng Thú-Y Chăn-Nuôi Saigon, 1970.
- " PHAN-NGOC-SANG, G-n-v.
Kỹ-Sư Súc-khoa, Cao-Đẳng Thú-Y Chăn-Nuôi Saigon, 1970.
- " HUỲNH-VAN-XUONG, G-n-v.
Kỹ-Sư Súc-khoa, Cao-Đẳng Thú-Y Chăn-Nuôi Saigon, 1970.

* Hiện đang tu-nghiệp tại Hoa-kỳ

** Hiện đang tu-nghiệp tại Thái-lan.

BAN GIẢNG-HUẤN THỈNH-GIẢNG

Ô.Ô TRẦN-VĂN-DU

Bác-sĩ Thú-y, Alfort, 1942; Chuyên-khoa Vi-trùng-học và huyết-thanh-học tại Viện Pasteur ở Garches (1942-1943) và ở Viện Robert Koch, Berlin (1943-1946)

" TRẦN-TRONG-HIỆU

Bác-sĩ Thú-y, Alfort, 1962.

" LÊ-VĂN-HOÀ

Bác-sĩ Thú-y, Alfort, 1958

" NGUYỄN-TRỌNG-KHÔI

Dược-sĩ Quốc-gia, Đại-học Dược-khoa Saigon, 1966.

" HUỖNH-TẤN-PHƯỚC

Bác-sĩ Thú-y, Lyon, 1963.

" VŨ-NGỌC-TÂN

Bác-sĩ Thú-y, Alfort, 1942; Tốt-nghiệp Viện Thú-y Nhiệt-đới, 1943; Cao-học vi-trùng và huyết-thanh, Trường Y-khoa Balê, 1945.

" VŨ-TRÚNG-THÂN

Bác-sĩ Thú-y, Toulouse, 1963.

" LÊ-THUỐC

Bác-sĩ Thú-y, Lyon, 1955

" NGUYỄN-VĂN-TRÌNH

Bác-sĩ Thú-y, Alfort, 1958; Bằng chuyên-khoa Thực-phẩm dự-trừ Balê, 1959

" NGUYỄN-VIỆT-TRƯỜNG

B. Agr. Sc (Hons), 1963; Ph.D, 1968, Đại-học Queensland.

" NGUYỄN-VĂN-TU

Thú-y Đại-học-sĩ, Trường Thú-y Hà-nội, 1934; Bác-sĩ Thú-y, Đại-học Saigon, 1962.

NGÀNH KHOA-HỌC CƠ-BẢN

V

BAN GIẢNG-HUẤN CƠ-HỮU

- BÀ. PHẠM-THỊ-NGỌC-CHINH, G-n-v.
Cử-nhân Giáo-khoa Vạn-Vật, Saigon, 1961.
- Ô. TRẦN-LE-NHÂN, G-n-v.
Cử-nhân Giáo-khoa Lý-hóa, Đại-học Khoa-học Saigon, 1965.
- " NGÔ-HUY-CÂN, G-n-v.
Cử-nhân Giáo-khoa Vạn-Vật, Đại-học Khoa-học Saigon, 1966.
- " TRẦN-TẤN-ĐỨC, G-n-v.
Cử-nhân Giáo-khoa Lý-hóa, Đại-học Khoa-học Saigon, 1968.
- " HÀ-DƯƠNG-CU, G-n-v.
Cử-nhân Giáo-khoa Toán, 1968; Cao-học Toán
Đại-học Khoa-học Saigon, 1970.
- C. PHẠM-THỊ-LỘC, G-n-v.
Cử-nhân Giáo-khoa Vạn-Vật, Đại-học Khoa-học Saigon, 1971.

BAN GIẢNG-HUẤN THÍNH-GIẢNG

- Ô. CHU-PHẠM-NGỌC-SƠN,
Cử-nhân Giáo-khoa Lý-hóa, Đại-học khoa-học Saigon, 1957;
Cử-nhân Toán, Đại-học khoa-học Saigon, 1958; Cao-học
Hóa-học, ĐHKH Saigon, 1959; Ph.D., Đại-học Newark
Delaware, 1962; Giáo-Sư Đại-học Khoa-học Saigon.

0.0 LÊ-CÔNG-KIỆT

Cử-nhân Giáo-khoa Vạn-vật, 1960; Tiến-sĩ Đệ-tam-cấp, Đại-học Khoa-học Saigon, 1969. Giảng-sư Đại-học Khoa-học Saigon.

" ĐỒNG-SĨ-KHIÊM

Cử-nhân Giáo-khoa, 1964; Tiến-sĩ Đệ-tam-cấp, Đại-học khoa-học Saigon, 1969. Giảng-sư Đại-học Khoa-học SG.

" PHỐ-ĐỨC-MINH

Cử-nhân Giáo-khoa Lý-hóa, 1961; Tiến-sĩ Đệ-tam-cấp, Đại-học Khoa-học Saigon, 1968. Giảng-sư Đại-học Khoa-học SG.

" HOÀNG-MẠNH-ĐỀ

Cử-nhân Giáo-khoa Toán, Đại-học Khoa-học Saigon, 1958; Cao-học Toán giải-tích, Paris, 1965. Giảng-nghiệm-trưởng Đại-học Khoa-học Saigon.

" LÊ-KHẮC-TÍCH

Cử-nhân Giáo-khoa Lý-hóa, 1964; Chứng-chỉ Cao-học COSA, Đại-học Khoa-học Saigon, 1965. Giảng-nghiệm-viên Đại-học Khoa-học Saigon.

CÔ TRẦN-THỊ-VINH

Cử-nhân Giáo-khoa Lý-hóa, 1967; Chứng-chỉ Cao-học COSA, Đại-học Khoa-học Saigon, 1970. Giảng-nghiệm-viên Đại-học Khoa-học Saigon.

NGÀNH NGƯ-NGHIỆP



BAN GIẢNG-HUẤN CƠ-HỮU

Ø.Ø NGÔ-BÁ-THÀNH, Giáo-sư, Trường Ngành.
Bác-sĩ Thú-y, Lyon, 1952; Văn-bằng Hải-dương Sinh-học,
ORSTOM, Paris, 1954; Chứng-chỉ Kỹ-thuật đồ hộp, Paris,
1954.

" LÊ-VĂN-PHONG, Giảng-sư.
B.S., Đại-học MN Tokyo, 1968; M.S., 1970, Đại-học
Ngư-nghiệp Tokyo.

BAN GIẢNG-HUẤN THỈNH-GIẢNG

- Ø.Ø NGUYỄN-VĂN-BA
B.S., Đại-học OTAGO (Tân-tây-lan), 1963; Chứng-chỉ Khí-
tượng, Wellington, 1964; Chứng-chỉ tu-nghiệp về Thủy-
khí-tượng tại Huế-kỳ, 1970.
- " DẶNG-TỬ-BÙU
Kỹ-sư Trường Quốc-gia Cao-đẳng Cơ-khí Nantes (Pháp), 1956.
- " LÊ-VĂN-ĐĂNG
Kỹ-sư Thủy-lâm, Jules Brévié, 1944; Chứng-chỉ Thủy-sinh-
học, Paris, 1957; Chứng-chỉ Ngư-nghiệp, Viện Ngư-nghiệp
Starnberg Munich, 1958.
- " PHÙNG-LƯƠNG-NGỌC
Viên-dương Thuyền-trưởng, Trường Hành-hải, Le Havre (Pháp)
- " PHẠM-VĂN-SANH
Kỹ-sư Hàng-hải, Trường Hải-quân, Brest (Pháp), 1956.
- " TRẦN-VĂN-TRÍ
Cử-nhân Luật-khoa, Đại-học Luật-khoa Saigon, 1968; Chứng
chỉ tu-nghiệp về Hải-học và Ngư-nghiệp, Viện Hải-học
Nha-trang, 1949-1952; Chứng-chỉ tu-nghiệp về Ngư-nghiệp,
Thái-lan, 1951; Chứng-chỉ tu-nghiệp Ngư-nghiệp, Hoa-kỳ, 1959
- " LÊ-DŨNG-DÂN
B.S. 1962. M.S. 1965. Đại-học Tokyo.

NGÀNH KỸ-NGHỆ BIÊN-CHẾ THỰC-PHẨM



BAN GIẢNG-HUẤN CŨ-HỮU

- Ô. BÙI-VĂN-TRỢ, Giáo-sư, Trưởng ngành.
B.S., Honors, Đại-học Phi Luật-Tân, 1958; M.S., 1963;
Ph.D., 1967, Đại-học Cornell.

BAN GIẢNG-HUẤN THỈNH-GIẢNG

- Ô.Ô YVES BANCHI, Chuyên-viên phái bộ Viện-trợ văn-hóa Pháp
Kỹ-sư Hóa-học, Cao-Đẳng Hóa-học Montpellier, 1965.
- " DENIS NGUYỄN-THUỐC-DŨ, Chuyên-viên phái bộ Viện-trợ
Văn-hóa-pháp. Tiến-sĩ Kỹ-sư, Montpellier 1945; Tiến-Sĩ
khoa-học, 1949.
- GÔ. NGUYỄN-THỊ-HIỆP
Kỹ-sư Hóa-học, Dijon, 1968.
- Ô.Ô VÕ-NGỌC-TRƯỚC
Kỹ-sư Trường Quốc-Gia Biên-chế Nông-sản và thực-phẩm,
Paris.
- " NGUYỄN-ĐÌNH-NAM
B.S., M.S., Đại-học Montréal.
- " NGUYỄN-THÀNH-NGUU
Cao-Đẳng công-nghệ Phú-Thọ, 1965; Chuyên-khoa Kỹ-nghệ
lạnh, Centre National de Tele Enseignement de Paris,
1968.

NGÀNH GIÁO-DỤC NÔNG-NGHIỆP

Ø

BAN GIẢNG-HUẤN CƠ-HỮU

Ô. ĐANG-QUAN-ĐIÊN, Giáo-sư, Trưởng Ngành.
Bác-Sĩ Thú-Y, Lyon, 1952.

BAN GIẢNG-HUẤN THỈNH-GIẾNG

Ô. Ô. TRẦN-THIỆN-CHU

B.S., Đại-học Aranera, 1958; M.S., Đại-học Kansas, 1962.

" TRẦN-HIỆP-NAM

B.S., 1962; M.S., Đại-học Kansas, 1963.

" THÍCH-THANH-NHÂN

M.Ed., Đại-học California.

" NGUYỄN-XUÂN-THỊNH

B.S., Đại-học Georgia, 1964; M.S., Đại-học Oklahoma,
1966.

NGÀNH CÔNG-THÔNG



BAN GIẢNG-HUẤN CO-HỮU

- Ô.Ô CHÂU-VĂN-THÈ, Giảng-sư, Trưởng Ngành.
B.S., Đại-học Florida, 1962; M.S., Đại-học Florida, 1965;
Ph.D., Đại-học California, 1971.
- " ĐÔNG-CÔNG-QUAN, G-N-V,
Kỹ-sư Công-nghệ, Cao-Đẳng Công-nghệ, 1971.
- " ĐOÀN-THÀNH-TRUNG, G-N-V,
Kỹ-sư Công-nghệ, Cao-Đẳng Công-nghệ, 1971.
- " ĐẶNG-NGỌC-SON, G-N-V,
B.S., Đại-học Laval, 1970.

BAN GIẢNG-HUẤN THẠM-GIẢNG

- Ô.Ô BÙI-BÌNH-LÂM
Kỹ-sư Nông-khoa, Cao-Đẳng Nông-Lâm-Súc Saigon, 1962;
tốt-nghiệp chứng-chỉ sửa-chữa và bảo-trì nông-cơ, Nhật
bản, 1967; Cao-học hành-chánh, Học-viện Quốc-gia Hành-
chánh, 1970.
- " NGUYỄN-HỮU-BÌNH
Kỹ-sư công-chánh, Cao-Đẳng Công-chánh, 1963
- " NGUYỄN-QUANG-CHUYÊN
M.P.C.E, 1962
- " VŨ-NGỌC-CAM
Kỹ-sư Công-chánh, Kỹ-sư Bách-khoa, Đại-học Montreal, 1963.

Ô.Ô TRƯƠNG-ĐÌNH-HUÂN

Kỹ-sư Công-chánh, Cao-Đẳng công-chánh, 1952

" NGUYỄN-DUY-THU-LUONG

Kỹ-sư Điện-học, Cao-Đẳng Điện-học Paris, 1952; Ecole
Organisation Scientifique du Travail, Paris 1954.

" NGUYỄN-NHU-MỘNG

Kỹ-Sư Công-nghệ, Cao-Đẳng Công-Nghệ Saigon.

" TÔN-THẤT-THIỀU

Kỹ-sư Công-chánh, 1962.

" MAI-VIỆT-THU

Kỹ-sư Nông-khoa, Cao-Đẳng Nông-Lâm-Súc Saigon, 1968;
chứng-chỉ sửa-chữa và bảo-trì nông-cơ, Nhật-ban.

NGÀNH KINH-TẾ NÔNG-NGHIỆP

I

BAN GIẢNG-HUẤN CƠ-HỮU

- Ô.Ô CHÂU-TÂM-LUÂN, Giảng-sư, Trưởng Ngành.
M.S., Đại-học Tennessee, 1962; Ph.D., Đại-học Illinois,
1965.
- " NGUYỄN-PHỔ-LU, Giảng-sư.
Kỹ-sư Canh-Nông, Paris, 1953; M.S., Đại-học Vermont,
1969.
- " VÕ-HỮU-ĐỀ, G-N-V.
Kỹ-sư Nông-khoa, Cao-Đẳng Nông-Lâm-Súc Saigon, 1967.
- CÔ. THÈ-THỊ-HOÀI, G-N-V.
Kỹ-sư Nông-khoa, Cao-Đẳng Nông-Lâm-Súc Saigon, 1969.

BAN GIẢNG-HUẤN THỈNH-GIẢNG

- Ô.Ô NGUYỄN-TANG-KIỆT
B.S., Đại-học Tennessee, 1962; M.S., Đại-học Michigan
State, 1963.
- " PHAN-HỮU-TẠT
Cao-học Thương-mại, Đại-học Montpellier,
- " NGUYỄN-TRƯỜNG
Tiến-Sĩ Kinh-tế-học, Viện Đại-học Saigon, 1967.

II. GIỚI THIỆU TRUNG-TÂM QUỐC-GIA NÔNG-NGHIỆP.

Thoát thai từ cấp Cao-Đẳng của Trường Quốc-Gia Nông-Lâm-Súc Bảo-Lộc do nghị định số 112-BCN/NĐ ngày 19.11.1955 thiết-lập, Trung-Tâm Quốc-Gia Nông-Nghiệp ngày nay đã trải qua nhiều giai-đoạn nổi chìm quan-trọng.

Thực vậy, ngược dòng thời gian, ngày từ lúc sơ khởi, tuy nghị-định thiết-lập được ban hành từ cuối năm 1955, nhưng cấp cao-Đẳng huấn-luyện Kỹ-sư, chỉ được chào đời vào cuối năm 1959 tại Bảo-Lộc, trong khi cấp Trung-Đẳng đào-tạo Kỹ-sư Nông-Lâm-Súc đã hoạt-động cũng tại đây từ 4 năm trước.

Sinh-hoạt tại Bảo-Lộc cũng được hơn 3 năm trong khung cảnh hùng-vĩ của Cao-nguyên Trung-phần với những cơ sở đồ-sộ, vườn tược bao-la trên một trên một diện-tích 750 mẫu tây, với những phương tiện tương đối tạm đủ và sau khi rèn luyện xong khóa I Kỹ-sư Nông-Lâm-Súc-Khoa, thì vì hoàn cảnh của chiến cuộc lúc đó, cấp cao-đẳng đã phải rời về Saigon để vấp phải những khiếm-khuyết trầm-trọng về mọi mặt như phòng học, phòng thí-nghiệm, nông-trại thực-tập, phương tiện di-chuyên v.v... không có, chỉ trông nhờ vào sự hỗ-trợ của các cơ-quan bạn để tạm sinh-tồn và để chờ đợi có được cơ-sở mới.

Cho mãi tới sau cuộc cách-mạng 01.11.1963 cấp Cao-Đẳng mới có được trụ sở hiện tại tọa lạc tại số 14 và 45 Đại-lộ Cường-Đế, gồm 2 cao ốc và một nhà phụ thuộc xây cất trên khoảng 5.600^m² trong khuôn viên rộng 1 mẫu rưỡi tây của thành Cộng-hòa cũ cũng trong khoảng thời gian này, đồng thời với sự chuyển giao từ Bộ Canh-nông qua Bộ Giáo-Dục cấp Cao-đẳng đã được nâng lên thành Trường Cao-Đẳng Nông-Lâm-Súc Saigon (Nghị-định số 1184 GD/NĐ ngày 24.08.1963).

Tại mỗi Trường mới, trên đà tái tạo, Trường Cao-Đẳng Nông Lâm-Súc đã cải-tổ chương-trình học từ 3 lên 4 năm tăng sĩ số tuyển nhập học, tuyển mộ và gửi đi tu-nghiệp nhiều giáo-chức, lan hồi xây-đắp các cơ-sở học đường cần thiết bằng những ngân-khoản còn qua khiếm-tốn của Quốc-Gia và của chương trình Ngoại-viện. Cho tới nay, Trung-Tâm mới có được 15 phòng thí-nghiệm, 12 phòng học, 2 giảng-đường, 1 bệnh xá thú-y, 1 cư-xá Sinh-viên và đã gửi được 21 giáo chức với 20 Sinh-viên tốt-nghiệp đi ngoại-quốc tu-nghiệp.

Được chánh quyền quan-tâm đến việc cần phải phát-triển giáo-dục nông nghiệp để ứng phó với nhu-cầu gia tăng của quốc-gia về chuyên-viên cao-cấp Nông-Lâm-Súc trong hậu chiến, nên từ 1966 những hiện pháp hợp-ly và xây-dựng đã được thể hiện, cụ-thể nhất là việc ban hành Sắc-lệnh 172-SL/HP/CT ngày 28.10.1966 nhằm giải ngộ kủng-đảng phần nào giáo-chức ngành Cao-Đẳng kỹ-thuật và Nông-nghiệp và Sắc-lệnh số 168-SL/VHGD/TH ngày 9.11.1968 cải-biên Trường Cao-Đẳng Nông Lâm-Súc thành Trung-Tâm Quốc-Gia Nông-Nghiệp hiện hữu nhằm bành-trướng hoạt-động của Trường này.

Hơn nữa, những dự án khuếch-trương quan-trọng được lần-lượt thi-hành trong tương-lai và sẽ được trình-bày trên mục "Đường hướng phát-triển Trung-Tâm Quốc-Gia Nông-Nghiệp."

III. MỤC-TIÊU CỦA TRUNG-TÂM QUỐC-GIA NÔNG-NGHIỆP.-

Mục tiêu chính yếu của Trung-Tâm Quốc-Gia Nông-Nghiệp là :

a/- Giáo-dục và đào-tạo chuyên-viên cao-cấp Nông Nghiệp để cung-ứng nhân-lực chuyên-môn cho cả 2 lãnh vực công và tư;

b/- Khảo-cử về cả hai phương-diện thuận-tuý và ứng-dụng để cập-nhật-hoá và canh-tận kỹ-thuật nông-nghiệp.

c/- Phổ-biến các kiến-thức mới và kỹ-thuật tân-tiến về nông-nghiệp để giúp nông-dân tăng-gia sản-xuất.

Ngoài việc huấn-luyện về kỹ-thuật, sinh-viên còn được trau-đồi về phương-pháp chỉ-huy và quản-trí xí-nghiệp, học-hỏi về tâm-lý người nông-dân Việt-nam và việc giao-tê với quần-chúng trong công-tác phổ-biến kỹ-thuật nông-nghiệp.

IV. TỔ-CHỨC TỔNG-QUÁT TRUNG-TÂM QUỐC-GIA NÔNG-NHIỆP.-

Trung-tâm Quốc-gia Nông-nghiệp là một cơ-quan giáo-dục cao-đẳng kỹ-thuật nông-nghiệp trực thuộc Bộ Giáo-dục.

Trong hiện-tại, trên phương-diện tổ-chức Trung-tâm Quốc-gia Nông-nghiệp gồm có :

a) Ba trường Cao-đẳng trực thuộc Trung-tâm :

1/ Trường Cao-đẳng Nông-nghiệp

2/ " " Thủy-lâm

3/ " " Thú-y Chăn-nuôi.

Mỗi Trường Cao-đẳng có những cơ-quan nội bộ điều-hành giáo-dục của Trường sở-quan đặt dưới quyền điều-khiển trực tiếp của Giám-độc Trường Cao-đẳng liên-hệ. Học trình tại mỗi Trường Cao-đẳng là 4 năm. Sinh-viên tốt-nghiệp có cấp bằng quốc-gia : Kỹ-sư Canh-nông, Kỹ-sư Thủy-lâm, Kỹ-sư Súc-khoa;

b) Một số cơ-quan trung-ương do Giám-độc và Phó Giám-độc Trung-tâm trực tiếp điều-khiển, gồm các cơ-sở đầu não tập trung tất cả các phần vụ của Trung-tâm hầu giúp cấp chỉ-huy tổng hợp được tình hình, theo dõi tiến-triển của cơ-quan cùng thực thi đứng đắn chính-sách giáo-dục nông-nghiệp.

Các cơ-quan trung-ương gồm có :

- Văn-phòng Hành-chánh Trung-tâm
- " Tài-chánh Trung-tâm
- " Học-vụ Trung-tâm
- " Quản-độc Phòng-trại nông-nghiệp
- " Sinh-viên-vụ
- Thư-viện

và các ngành có tính-cách phục-vụ cho những hoạt-động chung của nhiều Trường Cao-đẳng như sau :

- Ngành Khoa-học Căn-bản
- " Kinh-tế Nông-nghiệp
- " Ngư-nghiệp
- " Công-thôn
- " Kỹ-nghệ thực-phân
- " Giáo-dục Nông-nghiệp

c) Một số Hội-đồng có mục-tiêu theo dõi, kiểm-soát, phối-hợp các hoạt-động giáo-dục, đặt kế-hoạch giáo-dục cũng như duy-trì kỷ-luật, trật-tự học-đường.

a/ Các Trường Cao-đẳng

1^o) Trường Cao-đẳng Nông-nghiệp.

Trường Cao-đẳng Nông-nghiệp có nhiệm-vụ đào-tạo chuyên-viên cho các hoạt-động canh-nông như : Nông-học, kỹ-thuật canh-tác, biến-chế nông-sản, kinh-tế nông-nghiệp, cơ-giới canh-nông, ngư-nghiệp v.v...

Hồi năm Trường tuyển 100 sinh-viên vào học năm thứ I. Các môn học chính yếu của Trường Cao-đẳng Nông-nghiệp do các ban điều-hành, phối-kiểm việc giảng-dạy, thực-nghiệm, khảo-cứu. Hiện nay, Trường Cao-đẳng Nông-nghiệp có các Ban sau đây :

- Ban Nông-học
- " Bảo-vệ mùa-màng
- " Trồng-tĩa

- Ban Tho-nhuong
- " Cai-thien hoa-mau
- " Hoa-hoc dat-dai
- " Hoa-hoc Thuc-vat.

Sau những năm được huấn-luyện về kiến-thức căn-bản và kỹ-thuật canh-nông nhằm khởi sự việc chuyên-môn-hoá, các-sinh-viên có thể lựa chọn để theo học một trong các chuyên-khoa sau đây từ một nửa đến một năm rưỡi chót của học trình :

- Chuyên-khoa Nông-học
- " " Nông-cơ và thủy-nông
- " " Kinh-tế nông-nghiệp
- " " Kỹ-nghệ biên-chế nông-sản
- " " Ngư-nghiệp.

Việc chuyên-môn-hoá các Kỹ-sư canh-nông trên một mức cao hơn sẽ được tiếp-tục thâm cứu tại Ban Cao-học vào niên-khoá tới.

Cho đến năm 1970, Trường Cao-dăng Nông-nghiệp đã đào-tạo được 257 Kỹ-sư Canh-nông phục-vụ 1 phần lớn trong các cơ-quan chánh-quyền và trong quân-đội.

2^o) Trường Cao-dăng Thủy-lâm.

Trường Cao-dăng Thủy-lâm đào-tạo chuyên-viên cho các phần-vụ quản-trị, khai-thác lâm-phần quốc-gia.

Mỗi năm, Trường tuyển 40 sinh-viên nhập-học năm thứ I để huấn-luyện về các bộ môn chính yếu sau đây :

- Bồi-dưỡng rừng,
- Bảo-vệ rừng,
- Điều-chế rừng,
- Khai-thác lâm-sản
- Xử-dụng, biên-chế mộc liệu

Khi có đủ giáo-sư và phương-tiện, Trường sẽ mở 3 chuyên-khoa, điều-khiển bởi 3 ban :

- Ban Dưỡng-lâm
- " Kinh-tế lâm-nghiệp
- " Kỹ-nghệ lâm-sản.

Cho tới niên khoá 1970, Trường đã đào-tạo được 116 Kỹ-sư Thủy-lâm hầu hết phục-vụ tại Nha Thủy-lâm từ trung-ương đến địa-phương trong các chức-vụ Trường Hạt, Trường Ty, Trường Khu liên tỉnh, Chủ-sứ, Chánh-sứ-vụ

3^o) Trường Cao-đẳng Thú-y Chăn-nuôi.

Trường Cao-đẳng Thú-y Chăn-nuôi đào-tạo các Kỹ-sư Súc-khoa để phục-vụ trong lãnh-vực Công cũng như Tư.

Trong niên khoá 1971-1972, Trường tuyển vào 60 sinh-viên. Chương-trình-học của Trường nhằm đào-tạo những chuyên-viên không những có khả-năng về kỹ-thuật chăn-nuôi, quản-trị nông-trại để tăng gia sản-xuất gia-súc mà còn có kiến-thức vững-chắc về Thú-y, Y-học phòng chùng để bảo-vệ gia-súc.

Một khu nông-trại đang được xây cất tại Thủ-đức và hy-vọng sẽ hoàn-tất vào cuối năm 1971. Khu nông-trại này sẽ cung-cấp phương-tiện cho sinh-viên thực-tập về việc chăm-sóc, dinh-dưỡng gia-súc, tuyển chọn thú giống, chữa-trị gia-súc bệnh. Trường còn có một Bệnh-xã Thú-y để sinh-viên thực-tập về các môn Bệnh-lý gia-súc và y-thuật. Ngoài việc thực-tập tại Phòng thí-nghiệm tại Trường, sinh-viên còn được thực-tập tại các Phòng Thí-nghiệm thuộc Viện Pasteur và Viện Quốc-gia Vi-trùng-học và Bệnh-lý gia-súc cũng học hỏi tại các cơ-sở chăn-nuôi công, tư.

Bắt đầu từ niên khoá 1971-1972 khi học đến năm thứ ba, ngoài Ngành Thú-y Chăn-nuôi, sinh-viên còn có thể chọn các Ngành Chuyên-khoa Kinh-tế Nông-nghiệp, Biên-chế thực-phẩm, Công-thôn.

Cho đến nay Trường đã đào-tạo được 163 Kỹ-sư Súc-khoa. Các sinh-viên tốt-nghiệp phần lớn phục-vụ tại Bộ Cải-cách Điện-địa và Phát-triển Nông-ngư-mục, Bộ Giáo-dục, Quân-lực Việt-nam Cộng-hoà hoặc xuất-ngoại tiếp-tục học lên bậc Cao-học.

Trường cũng đang dự trữ tiếp-tục mở thêm bậc Cao học trong niên-khoá tới.

b/ Các cơ-quan trung-ương

- 1^o) Văn-phòng Hành-chánh Trung-tâm phụ-trách về nhân-viên - Hồ sơ, Văn-kiện Hành-chánh tổng-quát của Trung-tâm
- 2^o) Văn-phòng Tài-chánh của Trung-tâm phụ-trách Kế-toán công-ngân, vật-liệu, lương bổng, thầu-mất, quản-lý tài-sản ...
- 3^o) Văn-phòng Học-vụ Trung-tâm phụ-trách các phần-vụ liên-hệ đến giáo-chức và sinh-viên trong phạm-vi giảng-huấn. Tổ-chức các kỳ thi - Lưu giữ hồ sơ chương-trình-học, văn-bằng, giáo-chức, sinh-viên
- 4^o) Văn-phòng Quản-đốc nông-trại giảng-nghiệm phụ-trách tổ-chức, điều-hành các hoạt-động giảng-huấn, thí-nghiệm, khảo-cử, khai-thác nông-trại với sự phối-hợp về chuyên-môn của các Trường Cao-đẳng....
- 5^o) Văn-phòng sinh-viên-vụ theo dõi, cố-vấn, hướng dẫn các sinh-hoạt và hoạt-động của sinh-viên ngoài học-vấn như tổ-chức cư-xá, câu-lạc-bộ, các chương-trình xã-hội, thể dục, thể thao của sinh-viên...
- 6^o) Thư-viện Trung-tâm có nhiệm-vụ quản-trị và tổ-chức các dịch-vụ thư-viện để đáp-ứng với nhu-cầu giảng-huấn, khảo-cử, phổ-biến của Trung-tâm. Trang-bị sách, báo, tạp-chí, vật-dụng cần-thiết cho việc tham khảo, nghiên-cứu của giáo-sư, sinh-viên

Thư-viện Trung-tâm hiện có trên 7.000 cuốn sách và tạp-chí khảo-luận về khoa-học, Canh-nông, Thủy-lâm, Thú-y, Chăn-nuôi.... và trên 500 cuốn Luận-trình do các sinh-viên tốt-nghiệp soạn-thảo về các đề-tài Nông-nghiệp Việt-nam.

7^o) Ngành Khoa-học căn-bản phụ-trách tổ-chức, điều-hành các môn dạy căn-bản cần-thiết cho chương-trình giảng-huân tại các Trường Cao-đẳng.

8^o) Ngành Kinh-tế nông-nghiệp điều-hành, giảng dạy các môn căn-bản và chuyên về kinh-tế Canh-nông như thông-kê, kế-toán, quản-trị xí-nghiệp, thị-trường nông-sản, kế-hoạch, khai-thác nông-nghiệp, ngân-hàng

9^o) Ngành ngư-nghiệp huấn-luyện các môn căn-bản và chuyên-khoa của các hoạt-động Ngư-nghiệp như : Hải-dưỡng-học, Ngư-nghiệp lục địa, hải ngư nghiệp, kỹ-nghệ chế biến ngư-sản, pháp chế và quản-chính ngư-nghiệp, kinh-tế ngư-nghiệp ...

10^o) Ngành Công-thôn giảng dạy về các môn chuyên-môn về Thủy-lợi, Thủy-nông, Cơ-giới nông-nghiệp, xây-cát tại nông-thôn

11^o) Ngành Kỹ-nghệ thực-phẩm huấn-luyện các môn căn-bản và chuyên-khoa về kỹ-nghệ tàng-trữ, biến-chế nông, thú-sản

12^o) Ngành Giáo-dục Nông-nghiệp phụ-trách việc đào-tạo giáo-chức cho giáo-dục nông-nghiệp.

c/ Các Hội-đồng

Trong hiện tại, Trung-tâm có các Hội-đồng sau đây :

1^o) Hội-đồng Giám-đốc Trung-tâm

2^o) " Trường Cao-đẳng

- 3°) Hội-đồng Ngành
- 4°) " Kỹ-luật
- 5°) " Giám-khảo của mỗi môn học
- 6°) " Khoảng-đại Trung-tâm.

V. ĐIỀU-KIỆN NHẬP HỌC.

1/ Muốn được nhập học năm thứ I các Trường Cao-đẳng thuộc Trung-tâm Quốc-gia Nông-nghiệp, các sinh-viên phải qua một thời-kỳ thi tuyển được tổ-chức hằng năm vào khoảng từ tháng 08 tới tháng 10.

Muốn được dự thi, các sinh-viên phải hội đủ những điều-kiện sau đây :

- 1). Quốc-tịch Việt-nam
- 2). Có 1 trong những văn bằng :
 - Tú-tài toàn phần A, B hay Khoa-học thực-nghiệm.
 - Tú-tài toàn-phần kỹ-thuật
 - " " Nông-Lâm-Súc
 - Bằng tốt-nghiệp cấp Trung-đẳng Trường Quốc-gia Nông-Lâm-Súc Bảo-lộc

Chi-tiết về kỳ thi mỗi năm sẽ được phổ-biến bằng một thông cáo.

2/- Mỗi năm có thể có một số Sinh-viên được nhập học năm I miễn thi chẳng hạn các kiểm-sự và các học Sinh tốt-nghiep tú-tài Nông-Lâm-Súc xuất-sắc, các Sinh-viên thuộc các Sắc-tộc thiểu số có đủ điều-kiện văn-bằng. Chi-tiết về việc nhập-học miễn thi năm I cho mỗi năm sẽ được phổ-biến bằng một thông-cáo.

VI. ĐIỀU-KIỆN TỐT-NGHIỆP.-

Muốn tốt-nghiep các Sinh-viên phải hoàn-tất học trình với điểm số trung-bình tối-thiểu 12/20, và cũng phải hoàn-tất một luận-trình được hội-đồng giám-khảo chấp-thuận với điểm số tối-thiểu 15/20.

(Xem thêm chi tiết ở phần Học-vụ).

VII. GHI-DANH NHẬP-HỌC.-

Sau khi trúng tuyển vào năm thứ nhất các Trường Cao-Đẳng trực-thuộc Trung-Tâm, Sinh-viên phải đến ghi - danh nhập-học tại các phòng Học-vụ của mỗi Trường. Thời gian ghi danh sẽ được thông báo khi kết quả thi tuyển được bố cáo.

Hồ-sơ ghi danh năm thứ nhất gồm :

- Đơn xin ghi danh nhập học (có mẫu sẵn tại các Trường).
- Phiếu tư pháp lý-lich (mẫu số 3)
- Giấy khám sức-khỏe tại một bệnh viện công.
- Giấy ưng thuận cho phép theo học của phụ huynh nếu Sinh-viên dưới 21 tuổi.

Khi ghi danh Sinh-viên phải đóng một tiền ký quỹ đồ vỡ và tiền bảo-hiêm cho niên-khóa theo học. Tiền ký quỹ để sẽ an-định bởi Hội-đồng Giám-Độc tùy theo từng năm ;

Tiền này sẽ được hoàn lại cho Sinh-viên khi ra Trường nếu không bị trừ về những sự đồ vỡ hoặc mất mát do Sinh-viên gây ra trong lúc theo học.

Hồ-sơ ghi danh vào các năm thứ Hai, năm thứ Ba và năm thứ Tư gồm có :

- Đơn xin ghi danh.
- Tiền bảo-hiêm hàng năm.

VIII. HỌC-QUY.-

1/- CHUYÊN-CÂN :

Sinh-viên bắt buộc phải có mặt trong các giờ học Lý-thuyết cũng như Thực-hành. Sự chuyên-can của Sinh-viên sẽ được Kiểm-soát và tính-điểm trong kỳ thi lên lớp.

Ngoài ra Sinh-viên năm thứ I sau ngày khai giảng hai tuần, nếu chưa đi học lại sẽ bị coi như bỏ học và không được học lại niên-học sau.

a). Lý-thuyết : Nếu vắng mặt 1/5 tổng số giờ lý-thuyết của một môn học, Sinh-viên sẽ chỉ được thi lên lớp với sự đồng ý của Hội-đồng Giáo-sư Ban Nông, Lâm, Súc hay năm thứ I liên hệ.

b). Thực-hành : Nếu vắng mặt 1/5 tổng số giờ thực-hành của 1 môn học, Sinh-viên sẽ đương nhiên bị 00/20 về điểm thi thực-hành môn học đó, và sẽ chỉ được thi lên lớp với đồng ý của Hội-đồng Giáo-sư Ban Nông, Lâm, Súc liên hệ.

Riêng năm thứ I, nếu vắng mặt 4 lần về 1 môn, hay 10 lần cho 6 môn học có thực-hành (Sinh-Động-Vật, Sinh-Thực-Vật, Lý-học, Hóa-học, Toán-học) Sinh-viên sẽ đương -

2/- THI LÊN-LỚP :

Chỉ có một khóa thi lên lớp trong niên-học kế cả năm thứ I (không có khóa hai).

Điểm trung-bình tổng-quát là 12/20 : dưới điểm này Sinh-viên không được lên lớp.

Điểm giới hạn cho mỗi môn học là 06/20 : Sinh - viên nào có điểm trung-bình tổng-quát 12/20 hoặc trên 12/20 nếu có 1 hoặc nhiều môn học mà điểm dưới 06/20, sẽ phải thi lại môn liên hệ.

Nếu điểm thi lại của môn học được trên hoặc bằng 06/20 Sinh-viên sẽ được lên lớp, nếu dưới 06/20 Sinh-viên phải học lại năm học. Trong suốt 4 năm học, sinh-viên chỉ có thể học lại một lần thôi.

CHÚ-Ý : Điểm thi lại chỉ giữ phần quyết-định Sinh-viên được lên lớp hay không, còn điểm chính thức của môn học vẫn là điểm thi trong niên-học.

Hệ số các môn học : Xem chương trình học.

Hệ số điểm Lý-thuyết và Thực-hành của 1 môn học sẽ được Giáo-sư phụ trách môn học đó quyết-định và thông báo cho Sinh-viên từ đầu niên-học.

Riêng năm thứ I điểm thi Lý-thuyết sẽ là 2/3 tổng số điểm thi của môn học (điểm thực-hành là 1/3).

IX: KỶ-LUẬT.-

(Chiều công văn số 1361 của Bộ Giáo-Dục.

Chiều biên bản Hội-Đồng Giáo-sư ngày 04.10.1955 tại Trường Cao-Đẳng Nông Lâm-Súc, có Đại-diện Ban chấp - hành Sinh-viên dự).

ĐIỀU 1.- Mọi gian lận trong việc thi cử và vi-phạm kỷ-luật sẽ bị trừng phạt.

ĐIỀU 2.- Các trừng phạt về các vụ gian lận và vi phạm kỷ-luật theo thứ tự nhẹ nặng có thể gồm : -

- Cảnh cáo bởi Hội-đồng kỷ-luật.
- Thông báo cho phụ-huynh.
- Thông báo cho toàn ban Giảng-huan Trường.
- Khiến trách bởi Hội-đồng kỷ-luật.
- Thi lại môn thi liên-hệ.
- Thi lại tất cả các môn trong năm.
- Đề nghị chấm dứt học bổng.
- Đề nghị hoàn lại học bổng.
- Học lại 1 năm.
- Loại khỏi Trường.
- Loại khỏi Trường và cấm học Đại-học và Cao-Đẳng trong 2, năm.

Sinh-viên vi phạm có thể bị một hay nhiều trừng phạt cùng 1 lúc và trong cùng một vụ vi-phạm.

1/→ KỶ-LUẬT TRONG VIỆC THI-CỬ :

ĐIỀU 3.- Sau khi ra đề thi thí-sinh còn giữ lại tài liệu như sách vở, giấy có ghi chép, tự điển..., thông đồng với người khác như nói chuyện, chuyển giấy tờ tài liệu, nhìn bài người khác, hoặc cố ý để người khác nhìn bài của mình ... sẽ bị truy tố về tội gian lận.

ĐIỀU 4.- Các tài liệu kê ro điều 3 phải được đem để ở đầu phòng thi cách xa tất cả các thí-sinh. Sau khi ra đề thi nếu tài liệu còn ở gần thí-sinh dù không dùng, thí-sinh mang tài-liệu đến phòng thi và thí-sinh có tài-liệu ở gần mình nhất sẽ bị truy tố.

Vi phạm điều này bị trừng phạt tối thiểu : thi lại môn liên hệ, tối đa : học lại một năm.

ĐIỀU 5.- Thí-sinh bị bắt quả tang dùng tài-liệu kể ở điều 3 (có tài-liệu ở trước mặt, hoặc trên mặt bàn viết, hoặc ở trong tay, trong người), nhận tài liệu ở ngoài phòng thi đưa vào hoặc nhận lời nhắc của người ngoài phòng thi, bị truy tố và bị trừng phạt tối thiểu : học lại 1 năm, tối đa : loại khỏi Trường và cấm học Đại-học và Cao-Đẳng trong 2 năm.

ĐIỀU 6.- Thí-sinh không được nói chuyện, bất cứ chuyện gì, không được chuyển giấy tờ, bất cứ giấy gì, muốn nói gì hoặc mượn dụng cụ (viết-mực...) thí-sinh phải giơ tay và được phép giám-thị phòng thi. Thí-sinh không được nhìn bài người khác hoặc vô ý để người khác nhìn bài của mình.

Vi phạm điều này, thí-sinh có thể bị trừng phạt tối thiểu cảnh cáo trước Hội-đồng kỷ-luật, tối-đa : học lại 1 năm.

ĐIỀU 7.- Khi chấm bài Giám-khảo thấy hai bài giống nhau, hoặc nghi ngờ thí-sinh dùng tài-liệu trong phòng thi, các thí-sinh liên-hệ sẽ bị truy tố. Trong trường hợp này, Giám-khảo phải nộp cho Hội-đồng kỷ-luật bài thi và tài liệu để dùng trong việc xét-xử. Thí-sinh có thể bị trừng phạt tối thiểu : Cảnh cáo thông báo cho Ban Giảng-huan, tối đa : học lại 1 năm.

ĐIỀU 8.- Thí-sinh muốn ra ngoài phòng thi phải được phép của Giám-thị. Khi ra ngoài không được dùng tài liệu hoặc nói chuyện với ai trừ trường hợp được Giám-thị cho phép. Vi phạm điều này có thể bị trừng phạt như ở điều 4, 5 và 6.

ĐIỀU 9.- Giám-thị có quyền cảnh cáo, đổi chỗ ngồi của thí-sinh trong phòng thi.

ĐIỀU 10.- Giám-thi cả trách nhiệm bắt các vụ gian lận, làm biên bản ghi rõ trường hợp xảy ra, có chữ ký của thí-sinh liên-hệ, và có chữ ký của 1 hoặc 2 thí-sinh ngồi gần nhất. Trong trường hợp thí-sinh từ chối ký tên, cần ghi rõ như vậy trên biên bản. Những tài-liệu phải được tịch thu và kèm theo với biên bản.

Tuy nhiên với những gian lận bằng cách nói chuyện trong phòng thi Giám-thi có thể không cần làm biên bản mà chỉ cần đến hỏi tên thí-sinh, ghi tên thí-sinh nói chuyện rồi phúc trình cho Hội-đồng kỷ-luật.

Biên bản và phúc trình về cuộc thi Giám-thi phải nộp cho Ông Chủ-Tịch Hội-đồng kỷ-luật.

II. KỶ-LUẬT TRONG PHẠM VI HỌC-ĐƯỜNG.

ĐIỀU 11.- Sinh-viên Trường Cao-Đẳng Nông-Lâm-Súc phải có tư cách tốt, Sinh-viên có các hành vi vô ý thức, vô lễ trong hành động và ngôn ngữ đối với Sinh-viên khác, đối với nhân-viên Giảng-huấn... Các hành động và ngôn ngữ không xứng đáng là Sinh-viên Cao-Đẳng Nông-Lâm-Súc có thể bị những trừng phạt quy định trong bản học quy này. Trừng phạt tối thiểu : cảnh cáo trước Hội-đồng kỷ-luật, tối đa : loại khỏi Trường và cấm học Đại-học hoặc Cao-Đẳng trong 2 năm.

ĐIỀU 12.- Sinh-viên phải bảo vệ tài sản của Trường (trường ốc, bàn ghế, dụng cụ phòng thí-nghiệm...) Sinh-viên làm hư bể, trao đổi các tài sản của Trường phải bồi thường, và bị trừng phạt như ở điều 11.

ĐIỀU 13.- Thành phần Hội-đồng kỷ-luật gồm :

Chủ-tịch : Ông Giám-Độc Trường Cao-Đẳng Nông-Lâm-Súc hay Đại-diện do Ông Giám-Độc chỉ định.

Hội-Viên : (ít nhất là 5) nhân-viên Giảng-huấn,
do Ông Giám-Đốc triệu tập.

ĐIỀU 14.- Giám-thị cuộc thi phải có mặt trong phiên-xử, có quyền phát biểu ý kiến nhưng không có quyền biểu quyết về trừng phạt. Trong trường hợp thí-sinh có bài giống nhau hoặc Giám-khảo nghi dùng tài-liệu trong phòng thi, Giám-khảo phải có mặt trong phiên xử, có quyền phát-biểu ý kiến, nhưng không có quyền biểu quyết về trừng phạt. Trong trường hợp Giám-thị hoặc Giám-khảo vắng mặt có lý do chánh đáng họ phải trình bày rõ trường hợp gian lận cho Hội-đồng ký-luật rõ.

ĐIỀU 15.- Bị cáo được báo trước về phiên xử, hiện diện ở phiên xử và có quyền biện hộ. Sau khi biện hộ thí-sinh bị cấp ra khỏi phòng xử để Hội-Đồng ký-luật quyết-định về trừng phạt. Thí-sinh bị cáo không đến phiên xử sẽ bị xử khuyết tịch.

Một đại-diện của Ban chấp hành Sinh-viên có thể đến dự và phát biểu ý kiến nhưng không có quyền dự phần quyết định trừng phạt của Hội-đồng ký-luật.

ĐIỀU 16.- Tất cả các trừng phạt đều phải ghi lại trong hồ-sơ của Sinh-viên vi phạm.

ĐIỀU 17.- Các vi phạm không quy định trong bản nội quy này sẽ do Hội-đồng Ban Giảng-huấn xét xử và có thể có những trừng phạt ngoài những trừng phạt quy định trong bản học quy này.

ĐIỀU 18.- Các quyết định của Hội-đồng ký-luật hoặc Hội-đồng Ban Giảng-huấn về các trừng phạt đều phải thi hành ngay và không được xét lại trong bất cứ trường hợp nào.

ĐIỀU 19.- Khi được đề nghị và triệu tập của Ông Giám-Đốc, Trưởng Ban Giảng-huấn có thể họp có đại-diện Ban chấp-hành Sinh-viên dự, để dự, để sửa đổi các điều khoản trong bản

X. HỌC-BÔNG.-

Hàng năm Trung-Tâm cá cấp phát một số học bổng quốc-gia cho Sinh-viên các năm I, II, III và IV Tiêu chuẩn cấp phát học bổng dựa trên tình trạng gia đình, học lực và hạnh kiểm của Sinh-viên.

Ngoài các học bổng do các tư nhân, và hiệp-hội gửi tặng chẳng hạn Hội-Ái-Hữu Thủ-Y-Sĩ Việt-Nam, Hội-Đua-Ngựa Saigon....

Riêng các Sinh-viên ngành sư-phạm được hưởng nguyệt cấp theo thể lệ hiện hành.

XI. CƯ-XÁ SINH-VIÊN.-

Trong khuôn viên Trung-Tâm có một cư xá dành riêng cho Sinh-viên hiện theo học tại Trung-Tâm. Cư-xá này là 1 cao ốc 2 tầng có thể chứa được khoảng 80 Sinh-viên. Muốn xin vào ở trong cư-xá Sinh-viên có thể nộp đơn tại phòng Sinh-viên-vụ. Vì chỗ ở có giới hạn nên sự cấp phát chỗ ở cho Sinh-viên cũng phải dựa vào một số những tiêu chuẩn đã được ấn định. Mọi chi tiết muốn biết xin liên lạc với phòng Sinh-Viên-Vụ của Trung-Tâm.

XIII. CHƯƠNG-TRÌNH-HỌC

TRƯỜNG CAO-ĐẲNG CANH-NÔNG

II

NĂM THỨ NHẤT

<u>Môn học</u>	<u>Lý-thuyết</u>	<u>Thực hành</u>	<u>Hệ số</u>
Toán	60	60	6
Vật-ly	60	60	6
Hoá-học	60	60	6
Sinh-động-vật	60	60	6
Sinh-thực-vật	60	60	6
Kinh-tế đại-cường	45	-	6
Sinh ngữ	60	-	2
Nông-học đại-cường	60	45	5
Tập sự hệ			3

NĂM THỨ H AI

Sinh-hoá-học	45	30	4
Phương-pháp thống kê	30	15	2
Khí-tượng canh-nông	45	30	4
Sinh-ly thực-vật	60	45	5
Xếp loại thực-vật	30	30	3
Sinh ngữ	60	-	2
Thổ-nhuỡng đại cường	45	45	4
Hoá-học đất-đai	30	60	4
Súc-học đại cường	30	30	4
Thủy-nông đại cường	45	-	3
Di-truyền-học	30	30	3
Tập-sự hệ			3

NAM THỨ BA

Chuyên khoa : CÔNG-THÔN

Phương pháp khảo-cứu nông-học	30	30	3
Ngư-nghiệp lục địa	15	-	1
Sinh ngữ	60	-	2
Túc-mẽ-học	30	30	3
Thủy-tinh đại-cường	45	-	3
Kỹ-nghệ điện-giới	30	30	3
Kỹ-nghệ-họa	45	45	4
Truyền nhiệt	45	-	3
Kỹ-nghệ lạnh	60	30	5
Cơ-học	60	-	4
Động-cơ	30	30	4
Kinh-tế nông-nghiệp	30	-	2
Hướng dẫn luận trình			

Chuyên khoa : BIÊN-CHẾ NÔNG-SẢN

<u>Môn học</u>	<u>Lý-thuyết</u>	<u>Thực-hành</u>	<u>hệ số</u>
Phương-pháp khảo-cứu nông-học	30	30	3
Ngư-nghiệp lục-địa	15	-	1
Sinh ngữ	60	-	2
Túc-mẽ-học	30	30	3
Truyền nhiệt	45	-	3
Kỹ-nghệ hoá	45	45	4
Hoá-học vật-lý	30	30	3
Trang-bị kỹ-nghệ biên chế	45	45	4
Hoá-học thực phẩm	30	30	3
Kỹ-nghệ điện giới	30	30	3
Kỹ-nghệ lạnh	60	30	5
Kinh-tê nông-nghiệp	30	-	2
Hướng dẫn luận trình			

Chuyên khoa : NÔNG-HỌC

Kinh-tê nông-nghiệp	30	-	2
Phương-pháp khảo-cứu nông-học	30	30	3
Ngư-nghiệp lục-địa	15	-	1
Sinh ngữ	60	-	2
Túc-mẽ-học	30	30	3
Phì-nhiều đất-đai	30	15	2
Cải-thiện giồng	30	30	3
Côn-trùng-học	30	30	3
Hoá-học thảo-mộc	30	15	2
Khuẩn và vi-khuẩn-học	45	60	3
lông cụ	30	30	3
Chăn-nuôi gia súc	30	15	2
lông-học bồ-túc	45	30	4
Đồng cỏ nhiệt đới	15	-	1
Hướng dẫn luận trình			

NAM THỨ BA

Chuyên khoa : KINH-TẾ NÔNG-NGHIỆP

<u>Môn học</u>	<u>Lý-thuyết</u>	<u>Thực-hành</u>	<u>Hệ số</u>
Phương-pháp khảo-cứu nông-học	30	30	3
Ngữ-nghiệp lục-địa	15	-	1
Kinh-tế nông-nghiệp	30	-	2
Túc-mẽ-học	30	30	3
Sinh-ngữ	60	-	2
Phì-nhiều đất-đai	30	15	3
Nông-học bổ-túc	45	30	4
Nông-cụ	30	30	3
Chăn-nuôi gia-súc	30	15	3
Quan-trị nông-trại	30	30	3
Kê-toán đại-cương	60	-	4
Thông Kệ Nông-nghiệp	30	30	3
Luật-học I	45	-	3
Kinh-tế-học	45	-	3
Luận-trình	-	-	-

NAM THỨ TƯ

Chuyên khoa : KINH-TẾ NÔNG-NGHIỆP

Sinh ngữ	60	-	2
Hành-chánh tổng-quát	20	-	1
Kê-toán ngân-hàng	30	-	2
Kê-toán hội buôn	30	-	2
Kê-toán hợp-tác-xã	30	-	2
Luật học II	60	-	4
Tổ-chức nông-dân	30	30	3
Tài-chánh và ngân-hàng nông-thôn	45	30	4
Kinh-tế nông-nghiệp II	45	-	3
Xã-hội-học nông-thôn	30	30	3
Kinh-tế-Việt-nam	45	-	3
Chánh-sách nông-nghiệp	30	+	2
Mãi-dịch nông-phẩm	30	60	4
Phân-tích thống kê	45	-	3
	-	-	-

NĂM THỨ TƯ

Chuyên khoa : CÔNG-THÔN

<u>lĩnh học</u>	<u>Lý-thuyết</u>	<u>Thực-hành</u>	<u>Hệ số</u>
Sinh-ngũ	60	-	2
Hành-chánh tổng-quát	20	-	1
Kỹ-thuật thủy-lợi	30	30	3
Cơ-giới-hoá nông-nghiệp	30	-	2
Nông-cụ	30	45	3
Xây cất nông-thôn	15	30	3
Điện thuật	30	30	3
Bảo-trì và sửa-chữa nông-cụ	15	60	3
Cơ-xương-học	30	60	4
Căn-bản kỹ-thuật biến-chế	45	30	4
Dẫn thủy, thoát thủy	45	30	4

Chuyên khoa : NÔNG-HỌC

Sinh ngữ	60	-	2
Tổ-chức hành-chánh tổng quát	20	-	1
Tổ-chức nông-dân	30	30	3
Thảo-mộc bệnh học	30	30	3
Côn-trùng-học áp dụng	30	30	3
Cây có dầu	15	15	1
Cây có sợi	15	15	1
Cây cao-su	20	20	1
Cây kích-thích	45	30	4
Rau cải	30	20	3
Hoa, kỹ-thuật viên-học	30	20	3
Cây ăn trái	30	30	3
Hoa màu phụ	30	30	3
Mía	30	20	3

Chuyên-khoa : BIÊN-CHẾ NÔNG-SẢN

<u>Môn học</u>	<u>Lý-thuyết</u>	<u>Thực hành</u>	<u>Hệ số</u>
Sinh ngữ	60	-	2
Tổ-chức hành-chánh tổng-quát	20	-	1
Thanh-tra thực-phẩm	30	30	3
Kỹ-nghệ phân bón và trộn thuốc bảo-vệ mùa-màng	30	30	3
Dự-trữ biên-chế ngũ cốc và củ	30	30	3
Dự-trữ biên chế rau, đậu, trái cây	30	30	3
Kỹ-nghệ lên men	15	15	1
Kỹ-nghệ biên-chế thực-phẩm gia-súc	30	30	3
Kỹ-nghệ biên-chế đường và phó sản	30	30	3
Kỹ-nghệ chất béo, dầu thảo-mộc và hương dầu	30	30	3
Biên chế mủ cao-su	30	30	3
Kỹ-nghệ chế-biên trà, cà-phê, thuốc lá	30	30	3
Dự án kỹ-nghệ	15	15	1

TRƯỜNG CAO-ĐẲNG THỦY-LÂM

Q

NAM THỨ NHẤT

<u>Môn học</u>	<u>Lý thuyết</u>	<u>Thực hành</u>	<u>Hệ số</u>
01. Toán học	60	60	6
02. Vật lý	60	60	6
03. Hóa học	60	60	6
04. Sinh động vật học	60	60	6
05. Sinh thực vật học	60	60	6
06. Kinh tế đại cương	45	-	4
07. Ngoại ngữ (Anh hay Pháp)	60	-	2
08. Lâm học yếu lược	45	60	4
09. Tập sự hè		một tháng	3

NAM THỨ HAI

01. Sinh hóa học	45	45	4
02. Di truyền học	45	30	4
03. Khí hậu canh nông	45	30	3
04. Phân tích thống kê	30	30	3
05. Sinh lý thực vật	60	45	5
06. Thổ nhưỡng học	45	30	3
07. Hóa học đất đai	30	60	4
08. Vi sinh học đất đai	30	30	3
09. Nông học yếu lược	30	15	2
10. Lâm học yếu lược	30	30	3

II. Sức học yếu lược	30	15	2
12. Thọ mộc học	45	45	4
13. Lâm khoa sinh môi học	30	30	3
14. Ngoại ngữ (Anh hay Pháp)	60	-	2
15. Tập sự hè		4 tuần lễ	3

NĂM THỨ BA

01. Khuẩn học	30	30	3
02. Côn trùng học	30	30	3
03. Phương pháp khảo cứu	30	30	3
04. Thủy sinh và đường ngữ	30	15	2
05. Trắc địa học	45	45	4
06. Cơ giới	30	30	2
07. Quản trị Nông trại	45	-	3
08. Dưỡng lâm	60	45	5
09. Kinh tế lâm nghiệp I	45	45	4
10. Đo cây đo rừng	45	45	4
11. Mộc chất học	60	60	5
12. Ngoại ngữ (Anh hay Pháp)	60	-	2

NĂM THỨ TƯ

01. Kinh tế lâm nghiệp II	45	30	3
02. Điều chế rừng	60	45	4
03. Trồng cây gây rừng	30	30	3
04. Khai thác lâm sản	30	30	3
05. Vẽ đồ án lâm sản	60	60	5

06. Công tác Sơn Lâm	45	45	4
07. Bảo vệ rừng	45	30	3
08. Thú lập học	60	30	3
09. Kiểm kê rừng	45	45	4
10. Quản trị Lâm phần	60	30	5
11. Lâm Luật	75	-	5
12. Ngoại ngữ (Anh hay Pháp)	60	-	2

TRƯỜNG CAO-ĐẲNG THỦ-Y CHĂN-NÚÔI

Ø

NAM THỨ NHẤT

Môn học	<u>Lý thuyết</u>	<u>Thực hành</u>	<u>Hệ số</u>
01. Toán	60	60	6
02. Vật lý	60	60	6
03. Hóa học	60	60	6
04. Sinh động vật	60	60	6
05. Sinh thực vật	60	60	6
06. Sức học Đại cương	45	60	5
07. Kinh tế Đại cương	45	-	3
08. Sinh ngữ (Anh-pháp)	60	-	2
09. Tập sự hè		4 tuần	3

NAM THỨ HAI

01. Thổ nhưỡng học	30	30	3
02. Thống kê	30	30	3
03. Chủng học động vật	30	30	3
04. Sinh lý động vật I	45	60	5
05. Di truyền học	30	30	3
06. Sinh ngữ II (Anh, Pháp)	60	-	2
07. Sinh hóa	45	45	4
08. Trồng cỏ I	30	30	3
09. Sinh lý thực vật II	30	30	3
10. Vi trùng học đại cương	15	30	2

11. Dinh dưỡng Gia súc	45	45	4
12. Nông học yêu lược	30	30	3
13. Kinh tế nông nghiệp	30	-	2
14. Tập sự hệ		4 tuần	3

NAM THỨ BA

01. Miễn nhiễm học	15	-	1
02. Đồng cỏ II	30	30	3
03. Thủy-sinh dưỡng ngư	30	15	2
04. Bệnh học nhập môn	30	30	3
05. Dục chủng	45	45	4
06. Gieo tinh nhân tạo	15	15	1
07. Cơ thể bệnh học	45	45	4
08. Dược học và trị liệu pháp	30	30	3
09. Bệnh truyền nhiễm I	45	45	4
10. Ký sinh trùng I	45	45	4
11. Kỹ nghệ thú sản	30	30	3
12. Quản trị nông trại	30	30	3
13. Sinh ngữ III (Anh hoặc Pháp)	60		2
14. Y thuật I		30	1
15. Tập sự hệ			2

NAM THỨ TƯ

01. Vi trùng học chuyên biệt	15	30	2
02. Y thuật học II		60	2

03. Khám nghiệm tử thi	15	15	I
04. Giải phẫu I và II	45	45	4
05. Ký sinh trùng II	30	30	3
06. Bệnh truyền nhiễm II	30	30	3
07. Y học nội thương và phòng ngừa	60	30	5
08. Nuôi heo	30	30	3
09. Nuôi thú đa vị	30	30	3
10. Nuôi gia cầm	30	30	3
11. Nuôi thú độc vị	15	15	1
12. Thanh tra thú sản	45	45	4
13. Luật lệ thú-y và chánh sách chăn nuôi	30	-	2
14. Sinh ngữ IV (Anh Pháp)	60	-	2
15. Tập sự hè			3
16. Hội thảo			

NĂM THỨ BA

Chuyên khoa : KINH-TẾ NÔNG-NGHIỆP

<u>Môn học</u>	<u>Lý-thuyết</u>	<u>Thực hành</u>	<u>Hệ</u>
Miền nhiệm-học	15	-	1
Thủy-sinh dưỡng-ngư	30	15	2
Bệnh học nhập môn	30	30	3
Dục chủng	45	45	4
Luật-lệ thú-y và chăm sóc chăn-nuôi	45	-	3
Bệnh truyền nhiễm I	45	45	4
Kỹ-nghệ thú-sản	30	30	3
Quản-trị nông-trại	30	30	3
Sinh ngữ	60	-	2
Kê-toán đại cương	60	-	4
Luật học I	45	-	3
Thông kê nông-nghiệp	30	30	3
Kinh-tế-học	45	-	3

NĂM THỨ TƯ

Chuyên-khoa : KINH-TẾ NÔNG-NGHIỆP

Nuôi heo	30	30	3
Nuôi thú đa-vị	30	30	3
Nuôi gia cầm	30	30	3
Sinh ngữ	60	-	2
Luật-học II	60	-	4
Kê-toán ngân-hàng	30	-	2
Kê-toán hội-buôn	30	-	2
Kê-toán hợp-tác-xã	30	-	2
Tổ-chức nông dân	30	30	3
Tài-chánh và ngân-hàng nông-thôn	45	30	4
Chánh-sách nông-nghiệp	30	-	2
Mãi-dịch nông-phẩm	30	60	4
Phân-tích thông kê	45	-	3
Kinh-tế nông-nghiệp	45	-	3
Kinh-tế Việt-nam	45	-	3
Luận trình	-	-	-

NAM THỨ B A

Chuyên-khoa : NGŨ-NGHIỆP

<u>Môn học</u>	<u>Lý-thuyết</u>	<u>Thực hành</u>	<u>Hệ số</u>
Ngũ-nghiệp dân nhập	30	15	2
Thủy-sinh-học và đường ngư DC	30	15	2
Phiêu sinh học	15	15	1
Ngũ-nghiệp khí tượng học	30	15	2
Miền-nhiêm-học	15	-	1
Động cơ II	30	30	3
Bệnh học nhập môn	30	30	3
Dục chung	45	45	4
Cơ-thể bệnh học	45	45	4
Bệnh-truyền-nhiêm I	45	45	4
Kỹ-sinh-trung I	45	45	4
Quản-trị nông-trại	30	30	3
Sinh ngữ III	60	-	2
Tập sự hệ			3

NAM THỨ T U

Chuyên khoa : NGŨ-NGHIỆP

Ngũ học	30	15	2
Đường ngư từng loại	45	30	4
Qui định và khai-thác N.ngh lục địa	30	-	2
Bệnh học cá	15	15	1
Ngũ cụ, ngư thuyền và ngư pháp	45	30	4
Ngũ-trường và kỹ-thuật đánh cá	30	30	3
Hải-dương-học	45	30	4
Chế biến ngư sản I	45	30	4
Thanh-tra ngư sản	15	15	1
Kinh-tế ngư-nghiệp và thương mại NS	30	15	2
Hành-chánh và pháp chế hải-ngư-nghiệp	30	-	2
Quản-trị xí-nghiệp đánh cá	15	15	1
Biện chế ngư sản II	30	15	2
Kiến-tạo ngư thuyền	30	30	3
Hàng hải	30	30	3
Vận chuyển hàng hải	30	30	3
Sinh ngữ	60	-	2

NAM THỨ BA

Chuyên-khoa : KỸ-NGHỆ BIÊN-CHẾ THỰC-PHẨM

<u>Môn học</u>	<u>Lý-thuyết</u>	<u>Thực hành</u>	<u>hệ số</u>
Miền-nhiệm-học	15	-	1
Thủy-sinh dưỡng ngư	30	15	2
Bệnh học nhập môn	30	30	3
Dục chủng	45	45	4
Kỹ-sinh-trùng-học I	45	45	4
Bệnh truyền-nhiễm I	45	45	4
Sinh ngữ III	60	-	2
Kỹ-nghệ-thủ-sản	30	30	3
Nhiệt học	45	-	3
Hoá-học vật-lý	30	30	3
Kỹ-nghệ hoa	30	60	4
Kỹ-nghệ biên chế	45	45	4
Hoá-học thực-phẩm	30	30	3

NAM THỨ TƯ

Chuyên-khoa : KỸ-NGHỆ BIÊN-CHẾ THỰC-PHẨM

Kỹ-nghệ điện-giới	30	30	3
Kỹ-nghệ lạnh	45	45	4
Dự án kỹ-nghệ	15	15	1
Kỹ-nghệ sữa và phó sản	45	45	4
Dự trữ và biên chế ngũ cốc	30	30	3
Chất béo dầu thảo mộc và	30	45	3
Kỹ-nghệ ngư-sản	45	30	4
Kỹ-nghệ lên men	15	15	1
Kỹ-nghệ biên chế thực phẩm gia súc	30	30	3
Vi-trùng-học thực phẩm	15	30	2
Thanh-tra thú sản	45	45	4
Sinh ngữ IV	60	-	2

NGÀNH GIÁO-DỤC NÔNG-NGHIỆP

CHƯƠNG TRÌNH HỌC KHÓA
12 THÁNG HUẤN-LUYỆN KỸ-SU TRỞ THÀNH GIÁO-
SƯ TRUNG-HỌC CHUYÊN-NGHIỆP ĐỘ II CẤP NÔNG-
LÂM-SÚC.

<u>Môn học</u>	<u>Lý thuyết</u>	<u>Thực hành</u>	<u>Hệ số</u>	<u>Chức vụ</u>
01. Xã hội học	40	20	5	
02. Tâm lý học	40	20	5	
03. Khả năng học tập	40	-	4	
04. Hướng dẫn, hợp tác, lãnh đạo	40	30	5	
05. Phương pháp giảng dạy áp dụng cho nông nghiệp	50	30	6	
06. Phương pháp giảng dạy tại Phòng Thí-nghiệm	20	20	3	
07. Trợ huấn cụ	20	40	4	
08. Khảo hạch và thi cử	30	30	4	
09. Phương pháp giảng dạy Bộ Môn Nông trại	30	40	5	
10. Giáo-dục Nông nghiệp	30	-	3	
11. Quản trị học vụ	30	20	4	
12. Quản trị nông trại	20	20	3	
13. Quản trị Hành chánh và tài chánh	30	20	4	
14. Giảng dạy bộ Môn Nông-học	200	100	20	cho CN
15. Giảng dạy Bộ Môn Công-Thôn	200	100	20	cho CT

16.	Giảng dạy Bộ Môn Lâm-học	300	-	20	cho TL
17.	- nt -	Súc-học	300	-	20 cho MS
18.	- nt -	Ngũ-học	300	-	20 cho NN
19.	- nt -	Lý-hóa-nhiên	300	-	20 cho LHN

B.- Tập-sự : Trường Trung-học Nông-Lâm-Súc và vùng Nông-Thôn liên-hệ. 2 tháng - 10

C.- Luyện trình : 1 Đề tài Sư phạm (soạn thảo và diễn giảng) - - 15

710 290 100

* Xem các phụ trang

XIII. MÔ TẢ CÁC MÔN HỌC.-

TRƯỜNG CAO-ĐẲNG NÔNG-NGHIỆP

V

Nông học đại cương :

Yếu-tố đất-đai, Yếu-tố khí hậu trong nông-học. Sự dẫn thủy nhập điện, Thoát thủy, Eoi đường hữu cơ, Bón vôi, Sửa soạn đất đai để trồng trọt. Cải thiện hột giống. Diệt cỏ. Trừ sâu bọ. Trừ bệnh nông học luân canh và phạm canh chống xoi mòn.

Khí tượng canh-nông :

Khảo sát các yếu-tố khí-tượng. Các hiện tượng xảy ra trong khí quyển và sự ứng-dụng và các hoạt-động nông-nghiệp.

Sinh-lý thực-vật :

Khảo-sát các cơ-năng của thực-vật xanh. Tăng-trưởng và phát-triển của thực-vật xanh.

Phân loại thực-vật :

Lớp đơn-tử-diệp : Các bộ và họ chánh. Lớp song-tử-diệp :
Lớp phụ : hoa phân cánh, hoa hợp cánh, hoa vô cánh. Đặc-biệt chú trọng đến các cây họ Đậu, hòa-bản, cỏ thủy sinh v..v.....

Thổ-nhiệm-học :

Các quá trình hủy hoại đá - Đặc tính chung của đất : Lý hóa tính các yếu tố tạo thổ - Phân loại đất. Không ảnh và van đề xử dụng không ảnh. Các chất đạm, lân potat, lưu huỳnh và các phân tử trong đất các loại phân hóa học.

Hóa-học thảo-mộc :

Thành phần hữu-cơ quan-trọng của cây và những biến đổi hóa học xảy ra ở trong cây. Xử dụng các dụng cụ và phương-pháp khảo cứu phân chất hóa học của thực vật. Đặc biệt chú trọng phương pháp phân chất lá cây.

Khuẩn và Vi Khuẩn học :

Đặc tính và xếp loại các khuẩn : Phycomycetes, Ascomycetes, Basidiomycetes, Mycelia sterilia. Vi khuẩn (bacteria) Mycoplasma. Tuyến trùng (nematodes). Cực vi trùng (virus).

Nông học bổ túc :

Bổ túc về đất đai, - Cải thiện và sử dụng đất về phương-diện nông học. Bổ túc về bảo vệ mùa màng - Cách sử dụng thuốc diệt cỏ các chất điều hòa tăng trưởng, trụ sinh trị bệnh cây. Bổ túc các cây cho dầu : dừa, đậu phộng. Bổ túc về các loại phân tế nguyên, các bệnh thiếu tế nguyên trên hoa màu quan trọng tổng quát về Nông học để bổ túc cho chương trình học bốn năm.

Phương pháp khảo cứu nông học :

Thiết lập dự án khảo cứu và trình bày sử dụng kết quả thực nghiệm đã thu hoạch trong lãnh vực canh-nông. Nguồn tài trợ, thiết trí công tác thí-nghiệm, báo cáo kết quả tương quan với ngành công kỹ nghệ .

Cây có sợi:

Bông vải tình hình sản xuất và nhập cảng tơ sợi. Các bộ phận và thời kỳ phát triển của bông vải. Các giống bông vải cải thiện. Các đặc tính kỹ nghệ và nông học đòi hỏi ở bông vải. Khí hậu và đất đai quan hệ cho bông vải. Canh tác và bảo vệ bông vải. Cây ki-nạp - Và cây bồ - chuối sợi (sinh lý, cách trồng trọt, giống, chăm sóc).

Cây Cao su .

Các yếu tố để thành lập một đồn điền - quản trị đặc tính thực vật cây cao su - phương pháp trồng gây giống - chăm sóc - thu mủ - biến chế mủ.

Cây kích thích :

Đại cương về tính chất đặc biệt của cây kích thích chọn gây giống, canh tác, bảo vệ, thu hoạch, biến chế, tồn trữ, tiêu thụ trà và café tại Việt-Nam.

Thảo mộc bệnh học :

Cơ nguyên gây bệnh - Phản ứng của cây ký chủ. Phương pháp diệt trừ bệnh.

Côn trùng học :

Nguyên tắc phân loại và khảo cứu việc phân loại côn trùng
Chu kỳ biến thái của côn trùng.

Cây có dầu :

Học về các loại cây dừa, mè, hoa quì, đậu nành, đậu phộng, cây thầu dầu, cây châu.

Hóa học đất đai :

Thành phần hóa học của đất - Hiện tượng hoán chuyển của đất
điều kiện tạo thành các loại đất (acid, phèn, kiềm...) yếu
tổ cơ định các dưỡng liệu - Phương pháp phân chất đất.

Bảo vệ mùa màng :

Đặc tính đại cương và xếp loại các tác nhân gây bệnh - Bệnh
thường gặp trên cây tại Việt-Nam. Phương pháp trừ bệnh.

Phì nhiêu đất đai :

Tính chất của đất (Sinh-Lý-Hóa) ảnh hưởng tới năng suất của
cây cối. Sự thiếu sót của đất về phương diện vật lý, hóa -
học và sinh vật của đất. Phương pháp cải thiện đất bằng
cách xử dụng vôi, phân bón và phương pháp trồng trọt (luân
canh, luân canh ...).

Túc-mẽ :

1) Phân loại xử dụng các bộ phận thực vật của cây liên hệ
đến sự dinh dưỡng của cây lúa 2) Yếu tố khí hậu - đất đai
để cải thiện trồng mía 3) Các giai đoạn sinh trưởng của lúa
4) Kỹ thuật làm mạ 5) Cải thiện giống lúa 6) Canh tác cải
thiện lúa 7) Sau lúa 8) Cỏ lúa 9) Bệnh lúa.

Cải thiện hoa-màu :

Các phương pháp cải thiện. Loại cây trồng trọt về tăng sản
đất trồng các cây ăn trái cây kỹ nghệ.

Rau cải :

Vấn đề sản xuất và thương mại rau cải tại Việt-Nam. Các yếu tố liên quan đến sự tăng trưởng, đâm bông, kết trái, tạo củ. Phương pháp canh tác, chăm sóc, thu hoạch, tồn trữ các loại rau cải quan trọng như cải bắp, cải bắp thảo, cải bông, artichaud, tỏi, hành, rau diếp, khoai tây, cà chua v.v...

Cây ăn trái :

Nghiên cứu các loại cây thường có ở Việt-Nam thuộc loại : bán nhiệt đới (hồng mận, cam, quýt, nhãn, đu đủ) nhiệt đới (chuối, xoài, sầu riêng, măng cụt, chôm chôm).

Hoa màu phụ :

Nghiên cứu những loại cây thông thường ở Việt-Nam thuộc các loại : mễ cốc phụ (bắp, lúa miến, kê v.v...) cây có củ : (khoai lang, khoai mì...) cây thực phẩm khác : (đậu xanh, đen, đỏ...).

Trồng mía :

Các bộ phận thực vật, sinh trưởng của cây mía, cải thiện sự sinh trưởng, tuyển lựa các giống mía - các giống mía trồng tốt ở Việt-Nam dân, thoát thủy, bón phân để cải thiện mía sâu của mía, bệnh của mía, diệt cỏ cho mía, các lệ loi canh tác mới cho mía. Tóm tắt thụ hoạch và biện chế đường.

Côn trùng học áp dụng :

Nghiên cứu các biện pháp trừ những côn trùng gây thiệt-hại cho Nông nghiệp đời sống của Ông, tằm.

Tổ chức nông dân :

Vai trò nông dân trong công tác phát triển kinh tế tại các nước hậu tiến. Các loại tổ chức nông dân : Hợp tác xã, Hiệp hội Nông-dân, tổ hợp nông nghiệp, Thành công của các tổ chức nông dân tại Đài-Loan, và Âu-Hỹ.

TRƯỜNG CAO-ĐẲNG THỦY-LÂM

Lâm-học yếu-lược :

Tổng-quát về lâm-học để cho sinh-viên làm quen với nghề lâm. Kỹ-thuật đường-lâm. Các vấn-đề liên-quan đến rừng. Công lâm và tư lâm.

Thọ-mộc-học :

Các họ thực-vật có những mộc loại quan-trọng. Sự phân-phối các mộc loại và tầm quan-trọng của chúng.

Lâm-khoa sinh-môi-học :

Các yếu-tố sinh-môi ảnh-hưởng đến thảo-mộc. Cấu-tạo và biến-thiên các loại rừng. Phương-pháp phân-tích thực-vật.

Đo cây, đo rừng :

Đo cây đo quần thọ và đo rừng bằng phương-pháp trực-tiếp và bằng cách ước lượng, tiên đoán sức tăng trưởng.

Dưỡng-lâm :

Lý-thuyết và kỹ-thuật tái sinh rừng và điều-dưỡng rừng, áp-dụng cho rừng nhiệt-đới.

Mộc-chất-học :

Cấu-tạo cây cho gỗ. Lý-tính và cơ-tính của gỗ. Khuyết-điểm của gỗ. Bảo-tồn gỗ.

Kinh-tế Lâm-nghiệp I :

Ích-lợi của rừng. Sự tăng gia của cây và rừng. Kinh-tế sản-xuất lâm-sản. Chính-sách lâm-lâm.

Trắc-địa-học :

Đo-đạc. Lấy hoạ-đồ bình-diện, hoạ-đồ cao độ. Vẽ hoạ-đồ - Đo rừng, chia cup, phóng đường.

Bảo-vệ rừng :

Bảo-vệ rừng chống các tác-nhân phá-hoại như lửa rừng, thời-tiết, côn-trùng, nấm mốc, thú rừng và người. Bảo-tồn thiên-nhiên.

Trồng cây rừng :

Tai-lập rừng nhân-tạo từ khi lấy hột đến lúc trồng cây. Yếu-tố sinh-lý, sinh-môi và di-truyền ảnh-hưởng đến sự sống còn và tăng trưởng cây con. Phương-diện kinh-tế của sự trồng cây gây rừng.

Khai-thác lâm-sản :

Phương-pháp khai-thác gỗ và củi. Chuyên-chở lâm-sản.

Điều-chế rừng :

Rừng đầy-đủ. Điều-hoà sản-lượng cho các loại rừng. Thủ-tục hành-chánh của việc điều-chế rừng.

Thủ-lập-học :

Sinh-lý và phân-loại thú rừng. Điều-chế các vùng săn bắn. Luật-lệ săn bắn.

Kiểm-kê rừng :

Phương-pháp kiểm-kê toàn-diện và lấy mẫu thẩn dò phối-hợp không ảnh và trắc-địa.

Kinh-tế lâm-nghiệp II :

Ước-lượng trị giá của rừng : Lâm-địa. Lâm-diện. Lợi-tức. Ước-lượng các thiệt-hại cho rừng.

Xử-dụng lâm-sản :

Kỹ-nghệ cơ-khí, cửa xe, ván ghép, gỗ nhiều lớp, ván sớ gỗ, ván dân gỗ. Kỹ-nghệ hoá-học : bột gỗ và giấy, cellulot, than, xử-dụng lâm-sản phụ.

Công-tác sơn-lâm :

Vật-liệu xây-cất. Cầu công, thiết-lập và gìn-giữ. Đường rừng : thiết-lập và gìn-giữ. Kiểm-soát đất trượt và soi mòn trên vùng núi, ngăn chặn cát bay.

Lâm-luật :

Các luật-lệ liên-hệ đến rừng tại Việt-nam. Ý-nghĩa và áp-dụng.

Quản-trị lâm-phần :

Nguyên-tắc quản-trị rừng gồm việc tổ-chức nhân-viên và nhân-công. Giao-dịch với công-chúng. Điều-dưỡng và cải-thiện rừng.

TRƯỜNG CAO-ĐẲNG THỦ-Y CHĂN-NUÔI

Súc-học đại-cương :

Lịch-sử chăn-nuôi. Sự liên-hệ giữa Canh-nông, Thủy-lâm và Chăn-nuôi. Sự tổ-chức và điều-hành trại hân-hợp. Lập chuồng nuôi thú. Sự dinh-dưỡng của thú. Tổ-hợp khẩu-phần và bữa ăn cho thú. Chăm-sóc thú và xử-dụng thú, Hiện trạng chăn nuôi các loại súc vật gồm và sản xuất cá thú sản.

Súc-học yêu-lược :

Giống như môn Súc-học đại-cương, dành cho sinh-viên Canh-nông và Thủy-lâm.

Gieo-tinh nhân-tạo :

Ôn lại cấu-tạo và sinh-lý của bộ phận sinh-dục. Cách quan-sát và pha-lãng tinh-dịch. Sinh-viên có dịp làm quen với cách lấy tinh và gieo-tinh ở bò và heo.

Chủng-học động-vật :

Nguồn-gốc, sự biến-hoá và phát-triển của những dòng gia-súc. Sự gia-súc-hoá. Sự cải-thiện dòng giống gia-súc. Sự phân-phối các dòng thú trên thế-giới. Đặc-điểm của mỗi dòng thú.

Dinh-dưỡng gia-súc :

Sự biến-hoá các chất : dưỡng-khí, nước, glucid, lipid, protid, chất khoáng, sinh-tổ, kích-thích-tổ, chất trụ-sinh. Nhu-cầu của gia-súc. Đo-lường nhu-cầu của gia-súc, hệ số tiêu-há. Đơn-vị dinh-dưỡng. Các hạng năng-lượng. Thực-phẩm gia-súc. Phân-tách thức ăn gia-súc. Biến-chế thức ăn gia-súc. Khẩu-phần. Bữa ăn.

Dục-chủng :

Cấu-tạo đàn thú. Phê-xét, đo lường tính-chất gia-súc, độ di-truyền, gia-phả, liên-hệ thân-tộc, sự đồng-huyết. Tuyển giống. Hiệu số tuyển lựa, áp-lực tuyển lựa, tiến bộ di-truyền, lựa chọn theo tương hình, tiến sinh, đồng sinh, hậu sinh. Tiêu-chuẩn lựa chọn, công thức lựa chọn. Tương-giao di-giao, cận giao, viễn giao, Kế-hoạch dục-chủng.

Nuôi heo :

Những nguyên-tắc căn-bản để sản-xuất heo - bao gồm việc mô tả các dòng heo, vấn-đề dục-chủng, chuồng trại, thức ăn, chăm-sóc và quản-trị và quản-trị và sau hết trình-bày những bệnh thông thường ở heo cùng cách phòng ngừa và chữa trị.

Nuôi gia-cầm :

Trình-bày về cơ-thể-học và sinh-lý của gia-cầm, các dòng gà vịt, cách tuyển lựa, chuồng trại, thức ăn, cách chăm sóc và quản-trị. Ấp-trứng và sản-xuất gà thịt, gà đẻ và vịt. Phần cuối của môn học sẽ trình-bày những bệnh thông thường cùng cách phòng ngừa và trị-liệu chúng.

Nuôi thú độc-vì :

Những nguyên-tắc căn-bản để nuôi ngựa và thỏ bao gồm việc tuyển lựa, dục-chủng, chuồng trại, thức ăn; cách chăm sóc và quản-trị cùng trình-bày những bệnh thông thường, cách phòng ngừa và chữa-trị những bệnh này.

Nuôi thú đa-vì :

Tình-trạng chăn-nuôi trâu bò ở Việt-nam. Mô tả các loại trâu bò làm việc, trâu bò thịt và trâu bò sữa cùng trình bày các vấn-đề liên-quan đến việc tuyển lựa, chuồng trại, cho ăn, chăm-sóc và quản-trị.

Đồng cỏ I :

Đại-cương về đồng cỏ nhiệt-đới, sự quan-trọng và ảnh-hưởng của loại canh-tác này đến phì-nhiều đất-đai và bảo-vệ mùa-màng. Đồng thời những khái-niệm căn-bản của đồng cỏ đến nền nông-nghiệp vùng nhiệt-đới nhất là những vùng cao-nguyên. Cũng được trình bày.

Đồng cỏ II :

Những yếu-tố căn-bản về những phương-cách thành-lập, sử-dụng và bảo-trì đồng cỏ được bàn đến với đầy-đủ chi-tiết. Ngoài ra những phương-cách cần phải được áp-dụng để cải-tiến đồng cỏ cũng như những phương pháp thí nghiệm cũng được bàn đến.

Cơ-thể-học gia-súc :

Hình-dạng và cách cấu-tạo cơ-thể gia-súc. Vị-trí của các xương, các cơ, hệ-thống thần-kinh và các tạng-phụ. Các môn học này cho sinh-viên một ý-niệm tổng-quát để hiểu rõ về các môn sinh-lý, dinh-dưỡng và bệnh-lý.

Mô học :

Mô-học đại-cương. Tế-bào. Gian-bào. Thân-dịch. Các loại mô chính của cơ-thể và cách phân loại. Đại-cương về mô học đặc-biệt. Hệ-thống tuần-hoàn. Hệ-thống hô-hấp. Hệ-thống bài-tiết. Hệ-thống tiêu-hóa. Hệ-thống sinh-đục của thú đực và thú cái. Hệ-thống thần-kinh các tuyến nội-tiết.

Sinh-lý động-vật I :

Sinh-lý của tế-bào. Sinh-lý của hệ-thần-kinh. Hệ-thống tuần-hoàn. Hệ-thống hô-hấp. Hệ-thống tiêu-hóa và hệ-thống bài-tiết. Thân-nhiệt và sự điều-hòa thân-nhiệt.

Sinh-lý động-vật II :

Sinh-lý về các tuyến nội-tiết. Sinh-lý về sự sinh-đục ở gia-súc. Sinh-lý về sự sinh-đục ở thú cái. Chu kỳ buồng trứng, sự cố nang, sự sanh đẻ, sự cho sữa. Sinh-lý về sinh-đục ở thú đực.

Dược-học và trị-liệu-pháp :

Những ý-niệm tổng-quát về y-dược (định-nghĩa phân loại, các hình thức dược-phân, nguyên-tắc áp-dụng và sự hấp-thụ của thuốc). Những phương-thức trị-liệu chính dùng trong thú-y-khoa. Các dược phẩm dùng trong Thú-y khoa.

Vi-trùng-học đại-cương :

Đại-cương về sự phân-phối, hình-thái, sinh-lý. Khả-năng gây-bệnh. Phản-ứng lý-hoá của vi-khuẩn.

Miễn-nhiêm-học :

Những cách chống cự của cơ-thể. Những phản-ứng đặc-biệt và không đặc-biệt của sinh-kháng và kháng thể. Hiện tượng Allergie, Anaphylaxie và interference.

Ký-sinh-trùng I và II :

Mô tả cách phân-loại, hình-thức và chu-kỳ tiến-triển của ngành tiết-trích, sản-lai và nguyên-sinh động-vật tìm thấy ở Việt-nam, những trạng thái biến-đổi, cách thức gây bệnh cùng những phương-pháp kiểm-soát, phòng ngừa và chữa-trị các bệnh ký-sinh-trùng. Trong phần thực-hành, quan-sát các mô và cơ-quan có ký-sinh-trùng xâm-nhập, sưu-tập các loại ký-sinh-trùng, nhận định các ký sinh thường gặp và các cách nhằm đoán.

Bệnh-học nhập môn :

Định-nghĩa bệnh, bệnh-học. So-sánh y-khoa và bệnh-học. Lịch-sử và tiêu-chuẩn. Phân-hang bệnh. Căn bệnh học. Cách-thức gây bệnh, phương-tiện chống-đối của cơ-thể, triệu-chứng-học, biến-chuyển, định bệnh, tiên-đoán, liệu-pháp.

Cơ-thể bệnh-lý :

~~Hoại-tử - Sự thoái-hoá và xâm-nhập tế-bào. Các chất khoáng và các chất màu trong các mô. Các cách gây bệnh. Bệnh-lý các hệ-tuần-hoàn, hô-hấp, tiêu-hoá, bài-tiết, sinh-dục, thần-kinh và cơ-cốt. Quan-sát các vi-khuẩn những mô bệnh. Sự thoái-hoá và sự xâm-nhập tế-bào, các chất khoáng và các chất màu trong các mô. Các cách gây bệnh chính. Bệnh-lý bộ phận tuần-hoàn, hô-hấp, tiêu-hoá, bài-tiết, sinh-dục, thần-kinh và cơ-cốt. Sinh-viên cũng sẽ học quan-sát các vi-mẫu của những mô bệnh.~~

Bệnh truyền-nhiễm gia-súc I và II :

Mô tả về cách sinh bệnh, triệu chứng bệnh tích của những bệnh vi-trùng và cực-vi-trùng của gia-súc cùng cách phòng-ngừa và chữa-trị đối-với bệnh này. Trong phần thực-hành sinh-viên sẽ có dịp truyền cây, quan-sát với kính hiển-vi các loại vi-trùng gây bệnh và những bệnh tích của thú-sản khi chết.

Y-học nội-thương và phòng ngừa :

Trình-bày các chứng bệnh của từng bộ phận thú. Những bệnh về dinh-dưỡng, về biến dưỡng, ngộ-độc, bệnh của thú non và thú già v.v... Môn học này nhấn mạnh đến những nguyên-tắc căn-bản để định bệnh, phòng bệnh và chữa bệnh.

Giải-phẫu-học :

Nguyên-tắc giải-phẫu căn-bản dùng trong thú-y-khoa bao gồm sự kiểm cốt thú, dụng-cụ và vật-liệu giải-phẫu, sự làm mê, tê và sự cầm máu, sự lành vết thương, vi-khuẩn-pháp và diệt-trùng-pháp. Những phương-pháp giải-phẫu thông thường ở đầu cổ, bụng, cơ-quan sinh-dục, xương và khớp-xương.

Luật-lệ thú-y và chánh-sách chăn-nuôi :

Hệ-thống và phương-cách xử-án ở Việt-nam, những thủ-tục mua bán, xuất-nhập-cảng gia-súc và thú-sản, trách-nhiệm và quyền-hạn của các viên-chức thú-y cùng vai trò của cảnh-sát vệ-sinh gia-súc. Đại cương về sự phát-triển chăn nuôi - Phát triển chăn nuôi từng loại gia-súc và gia-cầm.

Thanh-tra thú-sản :

Phần chính của môn học này chú-trọng về khám thịt và một phần nhỏ của chương-trình học dành cho việc thanh-tra các thú-sản khác. Trong phần chính của môn học sẽ được trình-bày về các nét đại-cương về cấu-tạo, thành-phần hóa-học, tính-chất của thịt, cách thiết-lập lò tế sinh, những nguyên-tắc căn-bản trong việc lựa thịt, tôn-trữ thịt và cách khám thịt.

Vi-trùng-học chuyên-biệt :

Học và tập định-loại một số vi-trùng và cực-vi-trùng gây bệnh cho gia-súc.

Khám-nghiệm tử thi :

Cách khám nghiệm tử thi. Cách lập hồ sơ. Cách khám hệ-tuần-hoàn, hệ hô-hấp, hệ tiêu-hoá, hệ bài-tiết và sinh-dục, hệ thần-kinh, hệ cơ cốt.

MÔ TẢ CÁC MÔN HỌC



NGÀNH KHOA-HOC CƠ-BẢN

Toán :

Sơ-lược về thuyết tập-hợp. Đại-số Ma-trận và cách giải một hệ-thống phương-trình tuyến-tính ma trận. Hàm số Log, hàm số mũ và tích phân. Giải-thích tổ-hợp và xác-xuất.

Vật-lý :

Nhiệt-học : Sự giãn nở, truyền-nhiệt, nhiệt-động-học. Chuyển-động tuần-hoàn : sóng và sự truyền sóng, quang-học. Điện-học : Đại-cương về điện-học và từ-học. Cơ-học : Cơ-học cổ thế, cơ-học lưu thể.

Hoá-học :

Cơ cấu nguyên-tử và phân-tử. Nối hoá-học. Khái-niệm về nhiệt hoá-học. Cân bằng hoá-học. Cân bằng ion. Khái-niệm về động hoá-học. Giao-trạng và giao-chất.

Sinh-động-vật :

Khảo-sát giới động-vật : phân-loại, các ngành chính. Cấu-tạo và sinh-lý tế-bào. Sinh-lý đại-cương : Sự dinh-dưỡng sự sinh-sản và phát-triển tuyến-nội-tiết. Sơ-lược về sự tiến-hoá, sinh môi, di-truyền.

Sinh-thực-vật :

Tế-bào, mô; cơ-quan thực-vật. Sự dinh-dưỡng, sinh-sản, phát-triển. Sự sinh-sản ở Hiên-hoa. Sự dinh-dưỡng và sinh-sản ở các nhóm thực-vật khác.

Sinh-hoá :

Xếp loại carbohydrate- phản-ứng tổngquát của đường đơn. Đường oligosaccharide và polysaccharide. Acid béo. Mỡ. Phosphatides. Terpenes - Steroids- phản ứng của amino acid. Gạch nối peptide. Cách định đầu tận cùng N và C của dây peptide. Sự phân loại protein. Cơ cấu của protein. Acid nucleic Porphyrins- Hemoprotein và chlorophyll. Sự biến dưỡng của amino-acid, Carbohydrate và lipid. Sự diệp-lục-hoá. Sự sinh tổng-hợp protein.

Di-truyền-học :

Đại-cương định-luật căn-bản về di-truyền-học. Di-tử. Thuyết-nhiệm-thể, giao-thoa và đảo-nhiệm. Hiện tượng đa-nhiệm. Phái tính và sự quyết-định phái tính. Sự di-truyền liên-kết với phái tính. Tự thụ-tinh. Đồng huyết nghiêm-giao. Hội giao - Tạp-giao - áp-lực tuyển chọn. Thuyết Darwin và tân Darwin.

Thống-kê :

Mục-đích của thống-kê-học - trung-bình phân-tán - hệ số tương-quan xác-xuất. Các luật phân-phối. Thăm dò - trắc-nghiệm giả-thiết - các loại sai số. Trắc-nghiệm bình-thường - trắc-nghiệm student. Trắc-nghiệm chi bình-phương. Ráp đường cong vào các dữ-kiện. Giải-tích biên-lượng - Giải-tích yếu-tố.

Hoá-học vật-lý :

Chất hơi, chất lỏng. Chất rắn. Chất kết tinh. Dung-dịch nhiệt-động hoá-học. Tỷ số cơ-vận của những phản-ứng hoá-học. Ion hydrogen. Sự Oxyt-hoá và khử-hoá. Sự tác-dụng hấp-thụ, giác-trạng.

Sinh-ngữ I, II, III, IV :

Nhằm tạo cho sinh-viên có một số kiến-thức và danh-từ chuyên môn ngoại-ngữ để sinh-viên có thể đọc và hiểu được những sách giáo-khoa, tạp-chí khoa-học viết bằng Anh hoặc Pháp - ngữ.

NGÀNH NGƯ - NGHIỆP

Ngư-nghiệp dẫn nhập :

Ngư-nghiệp và nhân loại. Khai-thác tại bờ biển. Đánh cá cận duyên. Đánh cá viễn duyên và viễn dương. Các đại - ngư-trường trên thế-giới. Kỹ-nghệ đánh cá voi và săn hải thú. Hoạt-động ngư-nghiệp trong nội-địa. Vấn-đề dự trữ và chế-biến ngư-sản. Vấn-đề tiêu-thụ và thương-mại. Tiến-bộ khoa-học và phát-triển ngư-nghiệp.

Thủy-sinh-học và dưỡng-ngư đại cương :

Thủy-giới, - Các dữ kiện vật-lý, hoá-học và sinh-vật-học của nước. Khảo-sát thủy-sinh-học ở rặt nước nội địa, Khả-năng sinh-thái. Chu-trình sinh-vật trong nước ngọt. Dưỡng-ngư đại-cương : Điều-kiện nước. Điều-kiện đất-đai. Kỹ-thuật cấu-tạo ao hồ. Phương-pháp sửa-sao ao hồ để thả cá. Thức ăn cho cá. Bảo-trì ao hồ. Năng suất ao hồ

Phiêu sinh-học :

Đại-cương về phiêu-sinh-vật. Định-nghĩa. Vai trò của phiêu-sinh-vật trong ngư-nghiệp. Khảo-sát, phương-pháp lượng - định. Cách vớt. Định loại. Những phiêu-sinh thường thấy ở Việt-nam.

Ngư-nghiệp khí-tượng :

Khí-tượng đại-cương : khí quyển. Yếu-tố khí-tượng : nhiệt-độ, nhật chiếu, bức xạ, thủy sa, ẩm độ, vận lượng, khí áp, gió, — gió khuynh độ - lực Coriolis. Gió tiếp đẳng áp tuyến. Định-luật Buys Ballot. Đa áp, độ áp. Phân khí - diện. Xoáy cuộn. Khái-niệm về sự tuần-hoàn khí quyển - Gió mùa, gió mậu dịch. Vô-tuyến trắc-lượng. Vệ tinh khí-tượng. Báo-tô. Khí-hậu tổng quát : Khí-hậu duyên-hải Việt-nam. Khí-hậu biển Nam-hải.

Ngư-học :

Cơ-thể và sinh-lý : Hình thù cá. Cơ thể bên ngoài. Cơ-thể bên trong. Những bộ phận thiết-yếu về sinh-lý. Sinh-sản tăng-trưởng. Di-truyền; Phân-loại : Vị-trí của cá trong

hệ-thống xếp loại. Đặc-tính. Những phương-pháp định loại. Tên cá. Phương-pháp lấy mẫu cá. Cách tồn trữ. Tài-liệu tham khảo để định loại.

Dưỡng ngư từng loại :

Những hình thức dưỡng ngư. Phương-pháp nuôi và gây dưỡng các loại cá ở nước ấm xếp theo tập quán dinh-dưỡng. Phương-pháp nuôi và gây dưỡng các loại thủy-sản thú yếu : tôm, sò, lươn, ếch v..v...

Bệnh-học cá :

Đại-cương. Những bệnh do cực-vi, vi-khuẩn, ký sinh, nấm. Do dinh-dưỡng, nước bị độc ... Cách trị liệu. Vệ sinh ao hồ.

Quy-định và khai-thác ngư-nghiệp lục-địa :

Đại cương. Thể hình các mặt nước nội địa. Quy-định môi-trường. Quy-định quần-tộc. Quy-định khai-thác. Bảo-vệ ngư-sản. Luật-lệ ngư-nghiệp lục-địa.

Ngư-cụ, ngư-thuyền và ngư-pháp :

Lưới : Nguyên-liệu chế-tạo. Phương-pháp chế-tạo. Các loại lưới và đặc-tính. Giây giềng và giây cột (tết). Kỹ-nghệ dệt lưới tại Việt-nam. Các ngư-cụ tân-tiên : máy tằm ngư : lịch-sử, nguyên-tắc, các loại, các bộ phận, phương-pháp sử-dụng. Loran : nguyên tắc, các bộ phận, phương-pháp sử-dụng. Radio định hướng : nguyên tắc, cách sử-dụng. Ngư-thuyền và ngư-pháp : Các kiểu ngư-thuyền : ghe chèo, ghe buồm, ghe cải-tiên. Tàu đánh lưới quay. Tàu đánh lưới giả câu. Tàu câu cá ngư. Tàu thả lưới bển. Các nghề lưới, câu, đăng, đáy, xiệp v..v...

Ngư-trường và kỹ-thuật đánh cá :

Đại cương. Vấn-đề tìm kiếm và khai-thác ngư-trường. Phân loại ngư-trường. Các vấn-đề căn-bản của ngư-trường-học : ánh sáng, nhiệt độ, độ mặn, phiêu-sinh-vật, cấu tạo đáy biển, hải lưu ... Sự tập ngư. Phân-phôi của ngư-quần. Sự di-lưu của ngư-loại. Hải hướng, khí-tượng và ngư-trường. Kỹ-thuật đánh cá và ngư-trường : áp dụng cho các loại cá chính, tôm, cua, ... Thuyền đoan và tàu xương. Kỹ-nghệ đánh cá voi.

Hải-dương-học :

Đại cương. Khảo-sát và nghiên-cứu hải dương. Tàu khảo-cứu. Sự phân phối của hải dương và lục địa. Hình thể và phân loại. Địa hình đáy biển. Thềm lục-địa. Độ sâu. Nước biển: thành phần, nhiệt độ, độ mặn, độ pH, ánh sáng, màu sắc, hải băng, độ đông đặc, tỉ trọng, sự truyền âm. Sự vận hành của nước biển: sóng, thủy triều, triều lưu, hải lưu. Sự liên-hệ giữa hải-dương-học và ngư-nghiệp.

Chế-biến ngư-sản I :

Các yếu-tố làm cá hư thối. Mục-đích của chế biến, phân loại. Ướp mặn. Làm khô; khô mặn; khô với gia vị. Xông khói. Các loại mắm: mắm cá, mắm ruốc, mắm tôm, mắm cua. Nước mắm: các kỹ-thuật chế-tạo: Cát hải, Ba-làng, Phan-thiết. Xác mắm: phân cá. Bột cá nuôi gia-súc. Dầu cá, dầu gan cá. Sốt sít cá. Nước cốt cá. Thạch đông.

Thanh-tra ngư-sản :

Đặc-tính tươi và hư của cá. Đặc-tính tươi và hư của nhuyễn thể. Đặc-tính tươi và hư của giáp xác. Các phương-pháp khả-nghiệm để xác-định tình-trạng tươi và hư. Cá độc. Nhuyễn-thể độc. Tính-chất tốt, xấu của các ngư-sản chế biến. Thanh-tra vệ-sinh các xưởng chế biến ngư sản.

Kinh-tê ngư-nghiệp và thương-mại ngư-sản :

Tình-trạng ngư-nghiệp trên thế giới: sản-quả, sử-dụng, thương-mại. Quan-trọng kinh-tê của nền ngư-nghiệp Việt-nam. Điều-kiện và khả-năng phát-triển. Các giai-đoạn phát-triển và đường hướng tương-lai. Vai-trò của khả-năng của Viện-trợ Quốc-tê. Tình-trạng nội-thương ngư-sản. Thủ tục buôn bán sỉ-hiện tại. Cải-tiến thương-mại ngư-sản. Tình-trạng ngoại-thương. Khuyến-khích xuất-cảng. Vai trò của hợp-tác-xã ngư-nghiệp.

Hành-chánh và pháp-chế ngư-nghiệp :

Nhiệm-vụ của Cơ-quan ngư-nghiệp. Tổ-chức ngư-nghiệp tại Việt Nam và tại một số Quốc-gia trên thế-giới. Đào-tạo và huấn-

luyện nhân-viên chuyên-môn - Các chương-trình mở mang Ngư-nghiệp tại Việt-Nam - Các chương-trình tài trợ.

Luật lệ lãnh hải quốc-tê và quốc-gia - Luật lệ hải Ngư-nghiệp : Cận duyên và viễn-duyên - Luật lệ hành-nghệ giả cào, lưới bện, dăng đáy - Giải quyết tranh chấp các luật lệ Ngư-nghiệp địa phương.

Quản-trị Xí-nghiệp Ngư-nghiệp :

Đại cương về Quản-trị Xí-nghiệp - Nghiên cứu dự án đầu tư: các vấn đề tài chánh, hành chánh, kỹ thuật, nhân sự, Quản-trị một trại nuôi cá - Quản-trị một Xí-nghiệp đánh cá - Quản-trị một xưởng chế biến.

Chế-biến Ngư sản II :

Kỹ nghệ đông hộp : Nguyên tắc - Kỹ thuật xưa và nay - Sự truyền nhiệt, cách đo, sự diệt khuẩn - Nguyên nhân hư hỏng - Ảnh hưởng của sự đông hộp trên phẩm chất của thực-phẩm - Các cải tiến trong kỹ-thuật đông hộp.

Ướp lạnh và đông lạnh ngư sản : tầm quan trọng - Sự truyền lạnh, cách đo - Sự tồn trữ thực phẩm tươi - Nước đá: đặc tính, các kỹ thuật chế tạo - Phương pháp ướp lạnh - Kỹ-nghệ đông lạnh ngư sản : Độ đông lạnh các phương pháp đông lạnh, sự thay đổi thể-tích - Ảnh hưởng của sự đông lạnh - Sự giải đông - Vai phương pháp tân tiến khác.

Hàng-Hải :

Đo vận tốc ngoài biển - La bàn và điện bàn - Đo độ sâu - Thủy trieu - Hải đồ - Các phương-pháp hải hành cận-duyên - Nguyên tắc về thiên-văn hàng hải - Đại cương về các phương pháp hải-hành điện-tử - Thời giờ về hàng-hải.

Vận chuyển hàng hải :

Tác dụng của gió và nước đối với tàu - Tác dụng của bánh lái và chân vịt - Neo và giây - Qui luật tránh đụng tàu - Các hải đăng và thủy-hiệu - Xử-dụng và gìn giữ ngư-thuyền.

Kiến tạo ngư-thuyền :

Đại cương: ngành đóng tàu trên thế giới, Kép hạng tàu thủy, tổ chức 1 xưởng đóng tàu, các giai đoạn trong việc đóng tàu thủy đặc tính của vỏ tàu : trọng lượng, trọng khối, trọng tải, mực nước, kích thước, trọng tâm, thăng bằng, an toàn, vật liệu đóng tàu - Vỏ tàu : các thành phần, sự cấu tạo từng trên - Dụng cụ trang bị : các hệ thống, neo, cột tàu, bánh lái, máy móc, điện, bốc dỡ, trang bị các phòng và hàn trên tàu.- Dụng cụ hải hành.

o
o) o

NGÀNH BIẾN-CHẾ THỰC-PHẨM

Kỹ-nghệ thú-sản :

Tế-sinh-trưởng. Phương-pháp hạ thịt. Cắt thịt. Tồn-trữ và biến-chế các loại thịt trâu, bò, heo, gà và phở sản.

Kỹ-thuật biến-chế :

Phương-pháp xử-dụng các loại máy thường dùng trong kỹ-nghệ biến-chế thực-phẩm và nguyên-tắc áp-dụng kỹ-nghệ lạnh và hơi nóng trong sự biến-chế thực-phẩm. Kỹ-thuật đông hộp, trữ lạnh, sấy khô, trữ bằng muối và hoá chất.

Thanh-tra thực-phẩm :

Luật-lệ và thủ-tục khám xét việc sản-xuất, biến-chế và mại-dịch thực-phẩm.

Kỹ-nghệ biến-chế sữa và phó-sản :

Nguyên-tắc và phương-pháp biến-chế sữa và phó-sản : sữa tươi, bơ, phó-mát, sữa bột, sữa đặc, kem, yaourt v..v...

Kỹ-nghệ biến-chế ngũ-cốc và củ :

Nguyên-tắc và phương-pháp chế-biến. Tồn-trữ ngũ cốc (xay lúa, làm bột mì) và củ (bột hoành-tinh và bột sắn) áp-dụng trong kỹ-nghệ biến-chế thực-phẩm.

Hoá-học thực-phẩm :

Thành-phần hoá-học thực-phẩm. Ảnh-hưởng của phương-pháp biến-chế đối-với phẩm-chất, giá-trị dinh-dưỡng và mùi vị của thực-phẩm.

Dự-trữ biến-chế rau đậu, trái cây :

Các phương-pháp tồn-trữ và biến-chế rau, đậu, trái cây : đông hộp, đông lạnh, sấy khô v..v...

Kỹ-nghệ biến-chế thực-phẩm gia-súc :

Phẩm-chất. Giá-trị dinh-dưỡng và cách xử-dụng các phó sản nông-nghiệp trong kỹ-nghệ biến-chế thực-phẩm gia-súc. Dự án thiết-lập, điều-hành và quản-tri nhà máy thực-phẩm gia-súc. Các phương-pháp kiểm-soát phẩm-chất thực-phẩm gia-súc.

Kỹ-nghệ chất béo, dầu thảo-mộc và hương dầu :

Đại-cường. Hiện-trạng chất béo tại Việt-nam. Thành phần phân-tích chất béo. Các phương-pháp trích dầu mỡ. Đặc-tính và công dụng của chất béo thiên-nhiên, chất béo trong kỹ-nghệ.

Vi-trùng-học thực-phẩm :

Nguồn gốc, phương-pháp và nguyên-tắc tác dụng của các vi-sinh-vật trên thực-phẩm và thực-nghiệm các phương-pháp cấy các loại vi-sinh-vật hữu-ích và loại bỏ các tác-dụng bất-lợi trong việc biến-chế thực-phẩm.

Kỹ-nghệ đường :

Các giai-đoạn sản-xuất đường từ mía đường. Kỹ-nghệ lọc đường bột và kỹ-nghệ phó sản của kỹ-nghệ đường.

Kỹ-nghệ biến-chế trà, cà-phê :

Dự-án thiết-lập các xưởng biến-chế trà, cà-phê. Hệ-thống thu mua trà, cà-phê. Phương-pháp biến-chế trà xanh, và trà đen. Phương-pháp ướp trà. Phương-pháp lột vỏ cà-phê qua hệ-thống nước và hơi nóng. Cách xay cà-phê, tồn-trữ, tiêu-thụ.

Kỹ-nghệ lạnh :

Nguyên-tắc căn-bản ứng-dụng kỹ-nghệ lạnh trong lãnh-vực tồn-trữ nông-sản, thú-sản, ngư-sản. Phương-pháp sản-xuất khí lạnh theo nhiệt-độ cần-thiết cho mỗi loại. Xử-dụng và bảo-trì các dụng-cụ liên-quan đến kỹ-nghệ lạnh.

NGÀNH CÔNG THÔN



Nông-Cơ :

Động cơ, mố, máy kéo. Đại cương về nông cơ cụ : cày, bừa, san bằng mặt ruộng, máy cấy, máy gặt v.v...

Thủy-Nông :

Các công trình sự trọng hệ thống thủy nông. Sự vững chắc của các công trình sự phương pháp tưới.

Thủy-tính Đại-cương :

Khí quyển - lưu lượng bốc thoát hơi nước - nước ngầm - lưu đồ sự thoát lưu - pháp tính liên-hệ các dữ kiện thủy tính.

Dẫn, thoát-thủy :

Cơ tính đất tương quan giữa đất và nước nguyên tắc dẫn thủy nguyên tắc thoát thủy.

Cơ giới hóa Nông-nghiệp :

Khảo sát những dụng cụ áp dụng cho sự cơ-giới hóa nông - nghiệp những vấn đề gặp phải khi có giới hạn.

Các loại Nông-cụ :

Nguyên tắc công dụng của từng loại cấu tạo điều khiển và sử dụng.

Kiến trúc Nông-thôn :

Đại cương về vật liệu xây cất thông dụng và phương pháp xây cất. Những công tác xây cất ở thôn quê, đập, đập đường, đào giếng....

Kỹ-thuật Điện-giới :

Những nguyên lý, lối sử dụng về cách bảo trì các vật dụng điện khí thông thường tại các nông trại thực hành về cách bắt điện, cách thử máy điện và sử dụng kế cụ.

Bảo trì và chữa nông-cụ :

Bảo trì sửa chữa nông cơ cụ.

Cơ xường học :

Hàn : Hàn điện, hàn gió đá máy dụng cụ : máy cắt, tiện, xoay ...

Truyền nhiệt :

Nguyên tắc căn bản của sự truyền nhiệt : dẫn truyền, đối lưu, phát quang. Áp dụng của sự truyền nhiệt trong lãnh vực canh nông.

Cơ-học :

Tĩnh học và động học căn bản. Những hệ thống lực và điều kiện cân bằng. Chuyển động thẳng, chuyển động cong và chuyển động cong của 1 cơ thể quanh trục.

Kỹ nghệ-hoa :

Vẽ kỹ thuật. Hình học áp dụng, hình học họa hình. Cách trình bày các diện và những ký hiệu kỹ thuật. Họa đồ kiến trúc.

Căn bản kỹ-thuật biến-chế :

Sự áp dụng những nguyên lý kỹ thuật (nhiệt động học, truyền nhiệt) trong những công việc như sự sấy khô, sự mất nước, làm lạnh, phân cơ, chuyển vận vật liệu

NGÀNH KINH-TẾ NÔNG-NGHIỆP

Kinh-tế nhập môn :

Khái-niệm về kinh-tế-học. Giá cả và thị-trường. Giá cả nông-phẩm. Lợi-tức Quốc-gia. Phân-phối lợi-tức. Tiền-tệ và giá cả. Phát-triển kinh-tế.

Kế-toán đại-cương :

Khái-niệm về kế-toán. Trường-mục. Điều-hành trường-mục. nhật-ky, sổ cái, bảng cân số. Bảng tổng kết, khố số, mở sổ. Kế-toán phân tách về khai-thác : Tìm giá vốn.

Luật-học I :

Khái-niệm về luật-học. Tổ-chức tư-pháp. Dân luật. Quy-chế bản thân, tài-sản và quyền sở-hữu. Điền-địa và tài-nguyên thiên-nhiên. Khế-ước và trách-nhiệm dân sự.

Thống-kê nông-nghiệp :

Lợi-ích của thống-kê trong nông-nghiệp. Thống-kê sản-suất. Thống-kê giá cả. Các loại chỉ số. Kiểm-tra, điều-tra. Tổ-chức thu-thập và lưu-trữ tài-liệu. Khai-thác, trình bày, sử-dụng thống kê.

Kinh-tế-học :

Tiền-tệ ngân-hàng. Các tương-quan kinh-tế đại-cương. Mậu-dịch quốc-tê.

Luật-học II :

Luật thương-mại : quy-chế thương-mại, các hình-thức hội-buôn. Luật ngân-hàng. Luật hành-chánh. Luật lac-động. Khế-ước lac-động. Cá-nhân phận-tranh. Tòa-án lac-động.

Kế-toán ngân-hàng :

Tổ-chức kế-toán ngân-hàng. Nghiệp-vụ ngân-quỹ tín-dụng, tài-chánh, hối-đoái.

Kế-toán hội-buôn :

Công-ty hợp-dann. Công-ty hợp-tư thường. Công-ty trách-nhiệm hữu hạn, Công-ty nặc danh.

Kế-toán hợp-tác-xã :

Tổ-chức kế-toán. Các trường-mục. Các nghiệp-vụ HTX và HHND.

Tổ-chức nông-dân :

Nhu-cầu tổ-chức nông-dân. Phương-pháp tổ-chức. Các hình-thức tổ-chức nông-dân : Hợp-tác-xã, Hiệp-hội Nông-dân v.v..

Tài-chánh và ngân-hàng nông-thôn :

Những vấn-đề tài-chánh tại nông-thôn. Các tổ-chức tín dụng
Tổ-chức ngân-hàng. Tài-nguyên của ngân-hàng. Các nghiệp-vụ. Quản-lý các thanh-khoản. Quản-trị ngân-hàng.

Chánh-sách nông-nghiệp :

Những vấn-đề của nông-nghiệp Việt-nam. Chánh-quyền và nông-nghiệp. Chánh-sách giá cả. Cải-cách điền-địa. Các biện-pháp hỗ-trợ sản-xuất. Kế-hoạch nông-nghiệp.

Mãi-dịch nông-phẩm :

Khái-niệm về mãi-dịch. Nhiệm-vụ của hệ-thống trung-gian. Mãi-dịch nông-phẩm. Mãi-dịch lúa gạo. Mãi-dịch heo, gà ... Mãi-dịch tiêu-thụ và sản-xuất.

Phân-tích thống-kê :

Các dạng phân-phôi xác suất. Phân-tích biên-lượng. Tương-guan thoái-hành. Suy-diện thống-kê áp-dụng vào kinh-tế. Nông-nghiệp.

Kinh-tế nông-nghiệp I :

Các định-luật kinh-tế và nền nông-nghiệp. Các kỹ-thuật phân-tích kinh-tế. Những vấn-đề kinh-tế nông-nghiệp hiện tại.

Xã-hội-học nông-thôn :

Khái-niệm về xã-hội-học. Xã-hội nông-thôn Việt-nam. Biến-chuyển của xã-hội nông-thôn. Xã-hội nông-thôn và vấn-đề cải-tiến nông-nghiệp.

Quản-trị Nông-trại :

Đại-cương về quản-trị nông-trại. Các định-luật sản-xuất và sản-phí xí-nghiệp. Lựa chọn và quyết-định tại nông-trại. Kế-hoạch nông-trại. Thực-hiện và kiểm-soát. Nông-trại gia-đình. Nông-trại thương-mại.

Kinh-tế nông-nghiệp II :

Nông-nghiệp trong nền kinh-tế Việt-nam. Hiện-trạng nông-thôn Việt-nam. Những vấn-đề của nông-thôn Việt-nam. Nhu cầu nông-phẩm Quốc-gia. Thị-trường nông-phẩm. Vấn-đề cải-tiến nông-nghiệp. Cải-tiến nông-nghiệp và phát-triển kinh-tế.

NGÀNH GIÁO-DỤC NÔNG-NGHIỆP

Xã-hội-học :

Tiền-trình lịch-sử Ngành xã-hội-học. Hệ-thống tổ-chức xã-hội. Khắc-sát tâm-lý xã-hội. Đối-tượng của xã-hội-học. Phương-pháp quan-sát và điều-tra xã-hội. Nghiên-cứu và công-tác hoạt-động.

Tâm-lý-học :

Tiền-trình Khoa tâm-lý-học. Sự phát-triển cơ-thể và tâm-lý. Tâm-lý các nhóm ở nông-thôn : nhi-đồng, thiếu-niên, thanh-niên, tráng-niên, lão-niên, nam-giới, nữ-giới. Tâm-lý giảng-huấn. Giao-tế.

Khả-năng học tập :

Nghiên-cứu đối-tượng. Khả-năng của con người trong việc học tập. Ảnh-hưởng ngoại-giới đến sự học tập. Nhu-cầu của con người trong việc học tập. Phương-pháp phát-triển sự học tập của con người.

Hướng-dẫn, hợp-tác, lãnh-đạo :

Chú-thuyết về hướng-dẫn. Thâu-thập và xử-dụng tài-liệu hướng dẫn. Tìm hiểu và thông-cam học-sinh. Hướng-dẫn học sinh. Hướng-nghiệp. Nhu-cầu hợp-tác. Phương-pháp hướng-dẫn hợp-tác. Nhu-cầu lãnh-đạo. Phương-pháp hướng-dẫn lãnh-đạo. Các tổ-chức : Hiệu-đoàn, đoàn 4T, đoàn Nông-gia tương-lai, Nghiệp-đoàn Nông-dân, Hiệp-hội Nông-dân, Hợp-tác-xã Nông-nghiệp.

Phương-pháp giảng dạy áp-dụng cho nông-nghiệp :

Sư-phạm. Phương-pháp giảng dạy: Thuyết-trình, Thảo-luận, trình-diễn, thực-nghiệm, thực-tập, du-sát, nghiên-cứu, dự-án. Soạn bài giảng. Giọng nói. Hành-văn. Cử-chỉ. xử-dụng dụng-cụ thịnh-thị. Giảng dạy các nhóm học-sinh bất-thường.

Phương-pháp giảng dạy tại Phòng Thí-nghiệm :

ự thực-tập. Tổ-chức và điều-hành phòng thí-nghiệm. Trang-
i Phòng Thí-nghiệm. Sản-xuất học-cụ phòng thí-nghiệm.
huân-bì bài dạy thực-tập phòng thí-nghiệm. Điều-hành sự
hực-tập của học-viên.

Trợ-huân-cụ :

trợ-huân-cụ và phương-pháp giảng-huân. Các loại trợ-huân-
u và cách xử-dụng : mẫu vật mô hình : bảng đen, bảng nỉ,
ảng lật; các máy rọi ảnh đơn, phim, đoán phim,; máy
hồng thanh, máy ghi âm, . Giảng dạy bằng truyền thanh,
uyền hình, máy dạy học.

Khảo-hạch và thi cử :

ác phương-pháp đo lường : tính chất, điều-kiện xử-dụng,
oạn đề thi và phân giải. Khảo-hạch về các môn chuyên-
ôn tại Trường Nông-Lâm-Súc. Thi lục-cả-nguyệt. Điểm lên
ốp. Liên thi để lấy bằng. Thi Văn bằng Nông-Lâm-Súc.

Phương-pháp giảng dạy bộ môn Nông-trại :

ương lối dạy Nông-trại. Chương-trình địa-phương bộ môn
ông-trại. Giảng dạy dự án sản-xuất. Giảng dạy dự án cải-
hiện. Giảng dạy công-tác phụ. Kế-hoạch giảng dạy của
iáo-sư. Lịch-trình hoạt-động của học-sinh. Sổ ghi thực-
ảnh nông-trại.

Giáo-dục Nông-nghiệp :

ệ-thông giáo-dục. Hệ-thông giáo-dục nông-nghiệp hiện tại.
án-đề giáo-dục chuyên-viên cao cấp, trung cấp. Văn đề tu-
ghiệp chuyên-viên. Đào-tạo giáo-chức. Đào-tạo nhà khuyến
ông. Công-việc thông-tin và quảng bá nông-nghiệp.

Quản-trị học-vụ :

uản-trị lớp học. Phòng giám-học. Điều-hành sự giảng dạy.
iểm-sát sự giảng dạy. Tổ-chức sự khảo-thí. Quản-trị
ỹ-thuật học-đường.

Quản-trị nông-trại :

Nông-trại của Trường Trung-học Nông-Lâm-Súc : Mục-đích, thành-phần, tổ-chức. Ban giám-canh. Dự-án sản-xuất và dự-án cải-thiện. Hội-đồng Quản-trị Nông-trại. Hội-đồng Giáo-sư nông-trại. Giảng dạy tiên-hường-nghiệp tại Trường Cộng-đồng. Giảng dạy nông-gia tráng niên và thanh-thiếu-niên nông-thôn.

Quản-trị hành-chánh và tài-chánh :

Tổ-chức Trường, Ty, Nha, Bộ. Quy-chế giao-chức. Quản-trị nhân-viên. Quản-trị vật-liệu. Quản-trị tài-chánh. Soạn-thảo công-văn. Lưu-trữ hồ sơ.

Giảng dạy bộ môn nông-học, hay công-thôn, hay lâm-học, hay ngư-học hay Lý-hóa-nhiên :

Mỗi bộ môn riêng có ban liên-hệ được chia ra làm một số môn theo chương-trình học về ngành liên-hệ ở cấp Trung-học Đệ-nhi-cấp. Giáo-sinh được hướng dẫn để lập chương-trình dạy, soạn bài giảng cùng bài thực-tập với trợ-huấn-cụ nếu cần, và thực-tập giảng dạy.

I V . ĐƯỜNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA TRUNG TÂM QUỐC GIA NÔNG-NGHIỆP.

Trong các công trình trọng đại của quốc gia, việc phát triển Nông-nghiệp để góp một phần quan trọng vào công cuộc củng cố kinh tế được coi là một trọng tâm công tác của chương trình phục hưng xứ sở. Vì vậy cho nên những dự án lớn đều nhằm đặt nền móng cho một cơ cấu Đại-học Nông-nghiệp như tại các quốc gia tiên tiến đã được dành cho để đào tạo cán bộ nòng cốt cho nông nghiệp nước nhà. Cũng trong chiều hướng nâng cao trình độ kỹ thuật của cán bộ nông nghiệp và đồng thời đào tạo thêm giáo chức Đại-học tại ngay quốc nội, do đó việc gửi người đi tu nghiệp còn ít ỏi tại ngoại-quốc, Trung-Tâm đã dự tính mở ban Cao học huấn luyện tới cấp bằng Tiến-sĩ để tam cấp nông nghiệp vào niên khóa tới đây rồi lần lần tiến tới việc đào luyện Tiến-Sĩ quốc-gia Nông-nghiệp và Bác-Sĩ Thu-Y khi nào có đủ điều kiện về nhân viên giảng huấn.

Việc tạo lập cơ sở chính thức của Trung-Tâm tại khu Đại-học Thủ-Đức trên một diện tích 200 mẫu tây đã được bắt đầu thành hình bằng việc xây cất nông trại thực nghiệm vào cuối năm 1970 với kinh phí 50 Triệu bạc Việt-Nam.

Một ngân khoản 600 Triệu bạc Việt-Nam cũng đã được nhập thuận vào tài khóa kế tiếp để tiếp tục công tác xây dựng cơ sở của Trung-Tâm dưới sự chỉ huy kỹ thuật của kiến-sử Ngô-viết-Thụ, khôi nguyên giải La-Mã.

Song song với việc xây đắp cơ sở tại Thủ-Đức, một dự án cải các Trung-Tâm trên phương diện pháp lý : Dự luật cải biến Trung-Tâm Quốc-Gia Nông-Nghiệp thành Học-viện Quốc-Gia Nông-Nghiệp có mục đích.

a) - Thể hiện nền tự trị Đại-học trong lãnh vực kỹ-thuật Nông-nghiệp do điều 10 hiến pháp ấn định;

b) - Tăng cường nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức của Trung-Tâm Quốc-Gia Nông-Nghiệp hiện hữu;

đã được đề trình để được với triển vọng trong một tương lai xa hơn, tiến tới việc thành lập Viện Đại-học Nông-Nghiệp một khi Học-Viện hội đủ yêu tố về nhân sự, tổ chức và cơ sở.

Ngoài ra một kế hoạch phát triển sâu rộng Trung-Tâm Quốc-Gia Nông-Nghiệp 10 năm (1971-1981) do ban giảng-huân Trung-Tâm Quốc-Gia Nông-Nghiệp với cộng tác của Phái đoàn Giáo-sư Đại-học Florida soạn thảo với những nét chính yếu sau đây :

- Tăng cường các cơ sở giáo-dục như : Phòng thí-nghiệm Nông-trại thực-nghiệm - Thư-Viện v.v...

- Tăng cường nhân-viên giảng-huân tới mức 1 giáo-sư cho 10 Sinh-Viên;

- Trang bị thêm máy móc, dụng cụ, vật liệu, trợ huân cụ v.v...

- Thiết lập các chương trình khảo cứu, cải tiến chương trình học v.v...

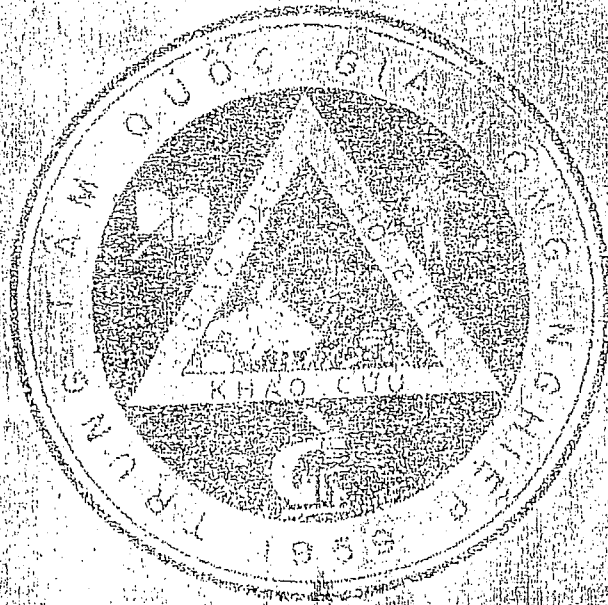
để có đủ phương tiện huấn-luyện 1000 Sinh-viên vào năm 1976 và 2000 Sinh-viên vào năm 1981.

- Trù liệu việc chuyển chuyên lên trụ sở chính thức tại Thủ-Đức vào năm 1973 đã được Bộ Giáo-Dục duyệt y để thực hiện.

Qua các tiến trình trên, với ý chí đầy mạnh việc phát triển Nông-Lâm Ngư-Mục của chính quyền, Trung-Tâm Quốc-Gia Nông-Nghiệp đương nhiên phải gửi trọng trách, một mặt đào tạo, cả về phẩm lẫn lượng, chuyên viên cao cấp Nông-Nghiệp cho xứ sở, một mặt đưa kỹ thuật nông-nghiệp của nước ta hiện còn thô sơ lên kịp trình độ của các quốc gia đàn anh trên ba lãnh vực giáo-dục, khảo cứu và phổ biến.

VIỆT - NAM CÔNG - HÒA
SỞ GIÁO DỤC

CHUYÊN
TRUNG TÂM
QUỐC GIA NÔNG NGHIỆP



1971 - 1972